

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00008	Lê Mạnh	An	15/01/91		Huyện Đoan Hùng		1	15.18. 00839	101	4.75	5.75	5.25	15.75	16.00	
2	THV.A 00073	Đình Thị Ngọc	Anh	12/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.40. 00074	101	4.75	5.75	4.00	14.50	14.50	
3	THV.A 00134	Lưu Thị Ngọc	ánh	10/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00190	101	4.75	6.00	3.25	14.00	14.00	
4	THV.A 00328	Vũ Thị	Cúc	17/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.41. 00437	101	4.50	5.50	5.75	15.75	16.00	
5	THV.A 00388	Nguyễn Thị Hương	Dịu	14/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		2	15.05. 03699	101	4.25	6.50	7.00	17.75	18.00	
6	THV.A 00476	Lê Hùng	Dũng	04/11/91		Huyện Thanh Ba		2	15.11. 02386	101	4.25	7.50	6.75	18.50	18.50	
7	THV.A 00690	Đỗ Mai	Giang	26/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00179	101	4.50	6.75	2.50	13.75	14.00	
8	THV.A 00881	Bùi Thị	Hạnh	23/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.15. 00128	101	6.00	7.50	6.50	20.00	20.00	
9	THV.A 00935	Nguyễn Tiến	Hậu	12/10/91		Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00174	101	6.50	7.75	3.50	17.75	18.00	
10	THV.A 00938	Đình Công	Hậu	01/05/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	15.40. 00076	101	6.00	4.75	3.25	14.00	14.00	
11	THV.A 01028	Thiều Thị	Hiên	03/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00353	101	3.50	7.50	3.50	14.50	14.50	
12	THV.A 01192	Triệu Thị Thanh	Hoa	25/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00670	101	4.25	6.75	4.50	15.50	15.50	
13	THV.A 01253	Triệu Thị Thu	Hoài	22/11/91	Nữ	Thành phố Yên Bái	01	1	13.03. 00029	101	5.00	5.50	2.50	13.00	13.00	
14	THV.A 01258	Nguyễn Thị Thu	Hoài	24/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.65. 00249	101	3.25	5.75	3.00	12.00	12.00	
15	THV.A 01347	Lê Thị	Hội	08/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00365	101	3.25	7.00	4.75	15.00	15.00	
16	THV.A 01367	Vũ Thị	Huế	04/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.38. 00118	101	4.25	7.25	4.00	15.50	15.50	
17	THV.A 01387	Vì Thị	Huệ	14/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.11. 02455	101	5.00	7.50	3.50	16.00	16.00	
18	THV.A 01414	Vũ Quang	Huy	18/01/88		Huyện Tam Nông		1	15.57. 01868	101	6.25	4.50	4.25	15.00	15.00	
19	THV.A 01415	Nguyễn Công	Huy	17/04/91		Huyện Thanh Ba		1	15.22. 00036	101	4.75	6.25	3.50	14.50	14.50	
20	THV.A 01475	Phùng Thị Thanh	Huyền	15/12/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.28. 00055	101	7.00	7.25	7.00	21.25	21.50	
21	THV.A 01503	Hà Thị Thu	Huyền	23/11/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	15.14. 01166	101	4.00	6.50	3.25	13.75	14.00	
22	THV.A 01504	Nguyễn Thanh	Huyền	10/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00663	101	5.00	7.25	3.75	16.00	16.00	
23	THV.A 01505	Đỗ Thị Thu	Huyền	21/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02473	101	3.75	7.50	4.00	15.25	15.50	
24	THV.A 01524	Bùi Thị	Huyền	17/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00181	101	4.50	8.00	4.50	17.00	17.00	
25	THV.A 01534	Phan Mạnh	Hùng	28/09/88		Huyện Yên Bình		1	13.14. 00148	101	3.25	6.00	4.50	13.75	14.00	
26	THV.A 01648	Vy Thanh	Hương	16/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.19. 00084	101	4.50	7.50	3.00	15.00	15.00	
27	THV.A 01671	Đỗ Thị	Hương	05/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00180	101	6.00	7.00	3.75	16.75	17.00	
28	THV.A 01725	Bùi Thị	Hường	09/11/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00225	101	5.75	5.25	3.75	14.75	15.00	
29	THV.A 01784	Phạm Ngọc	Khiêm	02/02/91		TP. Việt Trì		1	15.51. 01772	101	4.75	6.50	4.50	15.75	16.00	
30	THV.A 01821	Hà	Kường	13/07/87		Huyện Lập Thạch		1	16.36. 00411	101	5.25	5.25	3.50	14.00	14.00	
31	THV.A 01825	Trần Văn	Kỳ	17/11/91		Huyện Đoan Hùng		1	15.16. 01686	101	2.25	7.50	4.50	14.25	14.50	
32	THV.A 01903	Phạm Thị Hồng	Liên	10/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00086	101	5.25	9.50	5.00	19.75	20.00	
33	THV.A 02044	Nguyễn Thanh	Lịch	20/08/88		Huyện Thanh Sơn		1	15.42. 00167	101	5.50	7.25	3.50	16.25	16.50	
34	THV.A 02249	Nguyễn Tiến	Mạnh	17/08/91		Huyện Thanh Ba		1	15.24. 00045	101	3.50	7.00	3.50	14.00	14.00	
35	THV.A 02300	Nguyễn Văn	Minh	19/01/91		Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00362	101	5.75	3.75	4.75	14.25	14.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú	
36	THV.A 02431	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	31/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.19.	00081	101	5.75	6.50	4.25	16.50	16.50
37	THV.A 02450	Phạm Thị Hồng	Ngân	05/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21.	00151	101	5.50	7.50	3.00	16.00	16.00
38	THV.A 02708	Nguyễn Thị Oanh	Oanh	28/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.54.	01552	101	7.00	5.25	2.50	14.75	15.00
39	THV.A 02768	Đình Thanh	Phương	20/08/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.60.	01481	101	5.00	6.25	5.25	16.50	16.50
40	THV.A 02879	Đình Ngọc	Quân	23/06/91		Huyện Lâm Thao		1	15.51.	01766	101	4.25	6.00	4.50	14.75	15.00
41	THV.A 02914	Nguyễn Văn	Quyên	06/06/82		Huyện Ba Vì		2	1B.10.	00681	101	3.75	5.75	5.25	14.75	15.00
42	THV.A 02922	Trần Thị	Quý	08/06/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93.	00149	101	4.50	8.00	6.50	19.00	19.00
43	THV.A 03222	Đoàn Thị Phương	Thảo	05/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27.	00077	101	6.50	8.75	5.50	20.75	21.00
44	THV.A 03372	Phan Đình	Thiệu	20/07/91		Huyện Cẩm Khê		1	15.29.	00176	101	3.50	7.25	3.50	14.25	14.50
45	THV.A 03388	Vũ Huy	Thịnh	02/10/85		Huyện Cẩm Khê	01	2	99.99.	00379	101	3.00	6.50	3.25	12.75	13.00
46	THV.A 03410	Nguyễn Văn	Thông	18/02/91		Huyện Yên Lạc		2NT	16.51.	01217	101	7.00	6.25	5.25	18.50	18.50
47	THV.A 03415	Vũ Đức	Thông	02/09/82		Huyện Lâm Thao		2NT	15.53.	02385	101	5.25	6.50	5.50	17.25	17.50
48	THV.A 03657	Lương Thị	Thương	12/02/89	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.42.	00165	101	4.00	6.50	4.50	15.00	15.00
49	THV.A 03706	Nguyễn Thị Kim	Tiến	01/11/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.48.	01286	101	5.50	8.25	5.00	18.75	19.00
50	THV.A 03773	Lê Thị Hà	Trang	23/02/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.06.	00058	101	5.00	7.50	3.50	16.00	16.00
51	THV.A 03847	Kiều	Trang	05/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49.	00668	101	5.75	8.00	4.50	18.25	18.50
52	THV.A 03877	Trần Quyết	Trí	09/08/91		Huyện Lập Thạch		1	16.38.	00132	101	4.00	6.50	5.50	16.00	16.00
53	THV.A 04040	Nguyễn Văn	Tú	13/09/91		Huyện Yên Lập	01	1	15.35.	00041	101	5.00	7.50	3.50	16.00	16.00
54	THV.A 04136	Nguyễn Anh	Vân	17/08/91		Huyện Yên Lập		1	15.34.	00103	101	7.00	8.50	4.50	20.00	20.00
55	THV.A 04139	Đào Thị Kiều	Vân	21/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25.	00155	101	4.25	6.50	4.50	15.25	15.50
56	THV.A 04204	Lưu Tuấn	Vũ	28/01/91		Huyện Yên Sơn	01	1	09.26.	00234	101	3.75	6.50	3.50	13.75	14.00
57	THV.A 04263	Bùi Thị Hải	Yến	04/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	99.99.	00442	101	4.25	5.50	4.50	14.25	14.50

Cộng ngành 101 : 57 thí sinh

Phủ Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00209	Trần Huy Cảnh	06/07/90		Huyện Văn Yên		1	13.11. 00088	102	1.75	6.50	4.25	12.50	12.50	
2	THV.A 00254	Hà Mạnh Chiến	04/05/90		Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00058	102	5.50	4.50	6.50	16.50	16.50	
3	THV.A 00524	Nguyễn Hữu Dương	25/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00156	102	7.00	7.00	5.50	19.50	19.50	
4	THV.A 00526	Lưu Thị Thuỳ Dương	03/05/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.01. 00777	102	4.75	6.50	5.00	16.25	16.50	
5	THV.A 00900	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	11/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00186	102	3.00	5.50	4.50	13.00	13.00	
6	THV.A 00978	Hoàng Thị Thu Hằng	14/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.15. 00123	102	4.50	6.50	3.50	14.50	14.50	
7	THV.A 01227	Nguyễn Hữu Hoà	06/03/91		Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00056	102	3.25	6.50	5.25	15.00	15.00	
8	THV.A 01280	Nguyễn Ngọc Hoàng	22/07/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00081	102	3.00	6.25	2.50	11.75	12.00	
9	THV.A 01313	Nguyễn Thị Hồng	16/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00140	102	7.00	5.50	6.25	18.75	19.00	
10	THV.A 01571	Ngô Xuân Hưng	18/03/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	99.99. 00497	102	2.50	4.50	2.75	9.75	10.00	
11	THV.A 01646	Vy Thị Thu Hương	18/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.22. 00032	102	2.75	6.50	2.50	11.75	12.00	
12	THV.A 01951	Phạm Thị Nhất Linh	15/11/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.12. 00224	102	4.75	7.25	2.50	14.50	14.50	
13	THV.A 02240	Nguyễn Thanh Mai	10/02/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.33. 00123	102	4.75	8.25	4.25	17.25	17.50	
14	THV.A 02313	Hoàng Thị Mùi	08/07/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.65. 00253	102	3.75	6.75	2.00	12.50	12.50	
15	THV.A 02368	Trần Xuân Nam	04/11/91		Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02426	102	3.75	5.25	4.50	13.50	13.50	
16	THV.A 02436	Lý Thị Ngân	05/11/90	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	13.05. 00049	102	5.75	6.50	3.25	15.50	15.50	
17	THV.A 02524	Nguyễn Thị Ngọc	10/07/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.65. 00252	102	3.00	5.75	2.25	11.00	11.00	
18	THV.A 02556	Nguyễn Thị Thanh Nhân	14/09/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00150	102	2.50	6.50	3.50	12.50	12.50	
19	THV.A 02578	Hoàng Thị Ninh	04/01/88	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.12. 00234	102	2.00	6.00	3.75	11.75	12.00	
20	THV.A 02761	Chu Thị Phương	10/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	04	1	15.16. 01688	102	3.50	6.50	3.25	13.25	13.50	
21	THV.A 02765	Lê Thu Phương	02/11/91	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2NT	1B.52. 01103	102	3.25	6.25	4.75	14.25	14.50	
22	THV.A 02809	Nguyễn Hữu Phước	01/01/91		Huyện Trấn Yên		1	13.26. 00247	102	2.00	6.00	4.00	12.00	12.00	
23	THV.A 02979	Trần Thị Sang	16/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.51. 01771	102	3.25	5.00	3.50	11.75	12.00	
24	THV.A 03091	Nguyễn Văn Tâm	21/08/91		Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00875	102	3.25	6.75	2.25	12.25	12.50	
25	THV.A 03175	Phan Thị Hồng Thái	20/06/91	Nữ	Thành phố Sơn Tây		2	1B.07. 01093	102	3.50	6.00	3.25	12.75	13.00	
26	THV.A 03263	Nguyễn Thị Thu Thảo	24/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.37. 00160	102	4.75	5.75	2.50	13.00	13.00	
27	THV.A 03269	Lê Thị Phương Thảo	10/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	15.51. 01795	102	4.75	5.75	3.00	13.50	13.50	
28	THV.A 03567	Trần Xuân Thủy	23/10/91		Huyện Văn Yên		1	13.13. 00135	102	2.75	5.75	3.50	12.00	12.00	
29	THV.A 03596	Khổng Thị Thủy	23/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.36. 00414	102	2.50	6.00	3.50	12.00	12.00	
30	THV.A 03717	Nguyễn Thị Tinh	09/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.34. 00078	102	5.25	7.00	4.50	16.75	17.00	
31	THV.A 03729	Đặng Quốc Toàn	08/12/91		Thị xã Phú Thọ	06	2	15.11. 02422	102	3.25	8.50	3.00	14.75	15.00	
32	THV.A 03944	Vũ Đức Tuấn	20/06/91		Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02446	102	3.25	5.50	4.50	13.25	13.50	
33	THV.A 03993	Hoàng Văn Tuệ	03/02/91		Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00297	102	2.00	5.00	3.25	10.25	10.50	
34	THV.A 04080	Tạ Ngọc Tùng	17/08/91		Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02418	102	2.75	5.50	3.50	11.75	12.00	
35	THV.A 04255	Lê Thị Yêu	20/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00355	102	3.25	7.50	2.25	13.00	13.00	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2009
 TRƯỜNG THV A TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
 * Ngành 102 SP Toán-Lý

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.A 04284	Nguyễn Hoàng Yến	07/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00131	102	6.75	8.75	4.75	20.25	20.50	
37	THV.A 04296	Ngô Hải Yến	22/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.18. 00832	102	4.75	7.50	5.50	17.75	18.00	

Cộng ngành 102 : 37 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009
 HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00055	Phạm Thị Phương	Anh	20/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.03. 00346	103	5.75	4.25	2.50	12.50	12.50	
2	THV.A 00081	Đình Thị	Anh	10/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.26. 00184	103	3.25	5.00	3.25	11.50	11.50	
3	THV.A 00087	Nguyễn Tuấn	Anh	06/06/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00083	103	3.25	7.50	2.25	13.00	13.00	
4	THV.A 00152	Vũ Thị Ngọc	ánh	11/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	15.43. 00614	103	4.25	4.50	2.50	11.25	11.50	
5	THV.A 00316	Phan Thị Kim	Cúc	20/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	15.49. 00626	103	3.75	5.50	4.50	13.75	14.00	
6	THV.A 00348	Đào Ngọc	Cường	15/03/90		Huyện Văn Yên		1	13.11. 00092	103	3.00	6.00	2.75	11.75	12.00	
7	THV.A 00487	Vũ Tiến	Dũng	12/07/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00157	103	3.25	5.75	2.50	11.50	11.50	
8	THV.A 00583	Hoàng Tiểu	Điệp	09/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 00906	103	3.25	5.75	3.25	12.25	12.50	
9	THV.A 00686	Nguyễn Trường	Giang	04/09/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00166	103	2.25	4.50	4.50	11.25	11.50	
10	THV.A 01053	Lê Thị	Hiển	15/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.42. 00193	103	2.75	6.50	4.75	14.00	14.00	
11	THV.A 01375	Nguyễn Thị Thu	Huế	02/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00164	103	4.75	6.50	4.25	15.50	15.50	
12	THV.A 01691	Nguyễn Thị Thanh	Hương	07/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.33. 00007	103	1.75	6.50	4.25	12.50	12.50	
13	THV.A 01773	Cao Quốc	Khánh	06/10/91		Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00638	103	4.75	6.25	3.00	14.00	14.00	
14	THV.A 01822	Nguyễn Tiến	Kỳ	28/03/91		TP. Việt Trì		2	15.02. 05045	103	2.50	7.25	3.75	13.50	13.50	
15	THV.A 01866	Tạ Diên	Lạc	14/07/89		Huyện Tam Nông		1	15.57. 01878	103	4.75	4.50	2.50	11.75	12.00	
16	THV.A 02021	Lê Thị Tuyết	Linh	02/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	15.49. 00664	103	2.50	6.50	6.75	15.75	16.00	
17	THV.A 02087	Hoàng Thị Thanh	Loan	18/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00188	103	4.75	5.00	4.75	14.50	14.50	
18	THV.A 02108	Nguyễn An	Lộc	20/02/89		Huyện Trấn Yên		1	13.24. 00217	103	2.50	7.00	2.75	12.25	12.50	
19	THV.A 02288	Nguyễn Văn	Minh	30/11/91		Thị xã Phúc Yên		2	16.83. 00452	103	3.50	7.75	2.25	13.50	13.50	
20	THV.A 02296	Hà Văn	Minh	06/11/91		TP. Việt Trì		2	15.01. 00949	103	7.25	8.50	4.75	20.50	20.50	
21	THV.A 02444	Dương Thị	Ngân	04/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba	04	1	15.00. 02804	103	3.25	5.00	2.75	11.00	11.00	
22	THV.A 02502	Lê Văn	Ngọc	09/12/91		TP. Việt Trì		2NT	15.49. 00648	103	3.50	6.00	3.75	13.25	13.50	
23	THV.A 02541	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	26/03/90	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	09.05. 00040	103	3.75	6.50	2.00	12.25	12.50	
24	THV.A 02661	Bùi Thị Hồng	Nhung	29/07/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	23.42. 00053	103	2.00	5.00	2.50	9.50	9.50	
25	THV.A 02710	Nguyễn Thị Kim	Oanh	11/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00139	103	3.00	6.00	3.50	12.50	12.50	
26	THV.A 03015	Tạ Phú	Sơn	21/10/90		Huyện Tam Nông		1	15.57. 01907	103	3.25	5.50	3.50	12.25	12.50	
27	THV.A 03211	Hoàng Văn	Thành	18/02/91		TP. Việt Trì		2	15.01. 00912	103	3.50	7.50	2.50	13.50	13.50	
28	THV.A 03218	Lê Minh	Thành	29/10/91		Huyện Đoan Hùng		1	15.16. 01689	103	2.75	4.50	4.00	11.25	11.50	
29	THV.A 03271	Đình Thị	Thảo	07/05/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.54. 01556	103	3.50	5.50	3.50	12.50	12.50	
30	THV.A 03280	Bùi Bích	Thảo	15/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông	06	1	15.56. 01190	103	4.50	5.25	5.50	15.25	15.50	
31	THV.A 03672	Quản Mạnh	Thường	25/11/83		Huyện Lâm Thao		1	99.99. 00448	103	5.25	5.00	2.50	12.75	13.00	
32	THV.A 03747	Vi Văn	Tòan	20/05/91		Huyện Thanh Ba		2	15.11. 02441	103	2.50	6.25	3.50	12.25	12.50	
33	THV.A 03897	Ngô Đức	Trung	10/07/91		TP. Việt Trì		2	15.11. 02474	103	4.50	5.25	2.50	12.25	12.50	
34	THV.A 03926	Khổng Duy	Trường	20/11/91		TP. Việt Trì		2	15.02. 04968	103	4.25	7.75	3.50	15.50	15.50	
35	THV.A 03936	Đình Văn	Tuân	30/09/90		Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00070	103	2.25	5.00	3.00	10.25	10.50	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2009
 TRƯỜNG THV A TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
 * Ngành 103 Tin học

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.A 03948	Phùng Quang	Tuấn	03/02/91		TP. Việt Trì		2	15.03. 00328	103	3.75	6.75	3.00	13.50	13.50	
37	THV.A 03985	Đình Công	Tuấn	06/08/91		Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00615	103	2.50	5.25	3.75	11.50	11.50	
38	THV.A 04027	Bùi Nam	Tuyển	07/08/91		Huyện Phù Ninh		2	15.11. 02476	103	3.25	8.50	4.50	16.25	16.50	

Cộng ngành 103 : 38 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009
 HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00477	Nguyễn Văn Dũng	13/08/89		Huyện Vị Xuyên	01	1	05.15. 02058	304	2.00	3.75	3.75	9.50	9.50	
2	THV.A 02483	Hoàng Thị Ngọc	08/12/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.29. 00238	304	3.75	5.50	4.50	13.75	14.00	
3	THV.A 04184	Sùng Quang Vinh	01/05/91		Huyện Bắc Quang	01	1	05.15. 02057	304	2.75	3.25	3.75	9.75	10.00	

Cộng ngành 304 : 3 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2009
 TRƯỜNG THV A TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
 * Ngành 305 Lâm nghiệp

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00085	Nguyễn Tuấn	Anh	18/09/91		Huyện Phù Ninh		1	15.44. 00400	305	4.25	6.50	5.25	16.00	16.00	
2	THV.A 03298	Phùng Thị	Thắm	02/03/90	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	08.07. 00162	305	5.25	4.50	2.75	12.50	12.50	

Cộng ngành 305 : 2 thí sinh

Phù Thọ, ngày tháng 8 năm 2009
 HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00163	Đặng Huy	Bảo	25/07/91		Huyện Tam Đảo		2NT	16.62. 00229	306	3.25	4.75	4.00	12.00	12.00	
2	THV.A 01283	Đào Huy	Hoàng	24/03/91		Huyện Thanh Sơn		1	15.37. 00168	306	3.50	5.75	3.50	12.75	13.00	
3	THV.A 03962	Đặng Xuân	Tuấn	29/03/91		Huyện Phù Ninh		1	15.47. 00075	306	3.50	5.25	6.00	14.75	15.00	

Cộng ngành 306 : 3 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00189	Ngô Văn Bình	16/02/91		Huyện Tam Nông		1	15.54. 01558	401	4.25	6.50	3.50	14.25	14.50	
2	THV.A 00352	Bùi Hữu Cường	20/10/88		Huyện Phù Ninh		1	15.48. 01290	401	3.75	6.25	2.50	12.50	12.50	
3	THV.A 00792	Nguyễn Thị Thu Hà	19/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00633	401	3.25	5.00	3.75	12.00	12.00	
4	THV.A 01269	Mã Đình Hoàn	09/12/91		Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00277	401	3.00	4.50	2.50	10.00	10.00	
5	THV.A 01276	Nguyễn Tuấn Hoàng	03/08/91		Huyện Phù Ninh		2	99.99. 00411	401	2.75	7.50	5.25	15.50	15.50	
6	THV.A 01320	Hà Thị Thuý Hồng	29/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00159	401	3.00	5.00	4.25	12.25	12.50	
7	THV.A 01888	Nguyễn Thị Lê	13/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.16. 01694	401	3.25	5.75	3.00	12.00	12.00	
8	THV.A 01944	Khổng Thị Liễu	26/11/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.53. 02379	401	2.75	6.00	3.50	12.25	12.50	
9	THV.A 02099	Dương Quang Long	11/05/91		TP. Việt Trì		2	15.03. 00334	401	4.00	8.00	3.50	15.50	15.50	
10	THV.A 02104	Trần Thanh Long	05/10/91		Huyện Tam Đảo		1	16.91. 00162	401	3.75	7.50	4.00	15.25	15.50	
11	THV.A 02117	Nguyễn Khắc Lợi	13/01/91		Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00198	401	3.25	5.25	3.00	11.50	11.50	
12	THV.A 02149	Nguyễn Thị Lương	13/09/89	Nữ	Huyện Thạch Thất	01	1	1B.27. 01194	401	1.00	5.25	4.00	10.25	10.50	
13	THV.A 02355	Đình Anh Nam	07/09/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	15.40. 00072	401	3.00	5.00	3.00	11.00	11.00	
14	THV.A 02510	Nguyễn Hữu Ngọc	12/07/90		Huyện Tam Nông		1	15.57. 01872	401	4.25	6.50	2.50	13.25	13.50	
15	THV.A 02585	Nguyễn Thị Hồng Nhung	12/07/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.18. 00321	401	2.25	5.50	2.25	10.00	10.00	
16	THV.A 02586	Đieu Thị Nhung	01/07/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	99.99. 00509	401	2.50	6.75	3.00	12.25	12.50	
17	THV.A 02787	Đặng Thị Phương	01/10/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.36. 00420	401	4.50	5.50	3.50	13.50	13.50	
18	THV.A 03043	Nguyễn Tiến Sỹ	05/02/91		Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00175	401	3.75	5.50	3.50	12.75	13.00	
19	THV.A 03144	Bùi Thị Thanh	16/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.54. 01560	401	3.50	5.25	3.50	12.25	12.50	
20	THV.A 03330	Tạ Văn Thắng	02/12/91		Huyện Thanh Sơn		1	15.37. 00169	401	2.75	7.50	3.50	13.75	14.00	
21	THV.A 03430	Hoàng Thị Thu Thơm	28/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.32. 00196	401	5.00	7.50	3.25	15.75	16.00	
22	THV.A 03609	Nguyễn Thị Thúy	16/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00629	401	5.00	4.50	2.75	12.25	12.50	
23	THV.A 03820	Vương Thị Thu Trang	06/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00090	401	4.25	7.00	3.00	14.25	14.50	
24	THV.A 04115	Thàng Seo Vàng	09/10/89		Huyện Xin Mần	01	1	05.15. 02053	401	2.50	4.25	3.50	10.25	10.50	
25	THV.A 04207	Nguyễn Tuấn Vũ	03/09/91		Huyện Thanh Ba		1	15.24. 00066	401	3.00	6.25	2.25	11.50	11.50	

Cộng ngành 401 : 25 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00067	Vi Thị Phương	Anh	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.11. 02443	402	3.25	7.00	4.75	15.00	15.00	
2	THV.A 00075	Trần Thị Phương	Anh	23/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	1	15.29. 00209	402	3.25	6.50	6.00	15.75	16.00	
3	THV.A 00139	Triệu Thị	ánh	12/10/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.22. 00184	402	3.75	6.50	3.50	13.75	14.00	
4	THV.A 00144	Chử Thị	ánh	15/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.53. 02386	402	6.00	6.00	3.50	15.50	15.50	
5	THV.A 00156	Lê Anh	Ba	19/07/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00101	402	5.50	8.25	3.00	16.75	17.00	
6	THV.A 00402	Nguyễn Thị Thu	Dung	03/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00172	402	3.75	6.25	3.75	13.75	14.00	
7	THV.A 00463	Phùng Thị Minh	Duyên	08/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00164	402	6.50	5.50	6.50	18.50	18.50	
8	THV.A 00621	Nguyễn Trung	Đức	23/05/91		Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02454	402	4.75	8.25	3.00	16.00	16.00	
9	THV.A 00782	Đỗ Thị Ngọc	Hà	11/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	2NT	15.49. 00643	402	2.75	5.50	4.50	12.75	13.00	
10	THV.A 00896	Bùi Đức	Hạnh	10/09/91		TP. Việt Trì	01	2	15.01. 00931	402	6.75	8.50	5.00	20.25	20.50	
11	THV.A 00923	Nguyễn Thị	Hạnh	23/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.33. 00030	402	5.25	5.00	3.50	13.75	14.00	
12	THV.A 00968	Dương Thị	Hằng	04/04/88	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	99.99. 00464	402	5.00	4.75	4.50	14.25	14.50	
13	THV.A 01059	Hà Nghĩa	Hiệp	19/09/91		Huyện Thanh Ba		2	15.01. 00950	402	3.00	5.50	5.75	14.25	14.50	
14	THV.A 01087	Bùi Thị Thu	Hiên	23/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00155	402	4.25	6.25	3.00	13.50	13.50	
15	THV.A 01093	Nguyễn Thị	Hiên	06/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 00882	402	6.50	8.25	4.25	19.00	19.00	
16	THV.A 01098	Lương Thị	Hiên	06/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		2	15.01. 00885	402	5.50	5.25	7.25	18.00	18.00	
17	THV.A 01126	Trần Thị	Hiên	18/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.51. 01785	402	4.75	6.00	3.25	14.00	14.00	
18	THV.A 01170	Trần Thị Mai	Hoa	25/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 00941	402	3.25	7.00	4.25	14.50	14.50	
19	THV.A 01180	Trần Thị Thanh	Hoa	06/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.03. 00354	402	5.25	7.50	4.25	17.00	17.00	
20	THV.A 01189	Đỗ Thị	Hoa	05/03/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	15.01. 00911	402	3.00	8.25	3.50	14.75	15.00	
21	THV.A 01221	Dương Thị Thanh	Hoà	22/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 00923	402	3.00	8.00	3.50	14.50	14.50	
22	THV.A 01479	Trần Thị Thu	Huyền	25/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.54. 01561	402	5.75	5.75	2.50	14.00	14.00	
23	THV.A 01568	Hà Mạnh	Hung	01/11/91		TP. Việt Trì		2	15.01. 00947	402	5.00	7.50	4.50	17.00	17.00	
24	THV.A 01653	Đỗ Thị	Hương	22/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00633	402	3.00	6.50	4.25	13.75	14.00	
25	THV.A 01657	Đặng Thị Thu	Hương	03/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	15.49. 00665	402	6.00	6.25	3.00	15.25	15.50	
26	THV.A 01759	Phạm Thị	Khanh	28/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.54. 01572	402	5.00	4.00	4.25	13.25	13.50	
27	THV.A 01772	Nguyễn	Khánh	17/11/90		TP. Việt Trì		2	15.00. 02780	402	5.50	6.00	6.00	17.50	17.50	
28	THV.A 01792	Lê Thị	Khuyên	20/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.38. 00115	402	4.25	6.75	5.00	16.00	16.00	
29	THV.A 02013	Lưu Diệu	Linh	27/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00637	402	4.75	5.50	4.25	14.50	14.50	
30	THV.A 02040	Vũ Thị	Linh	21/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00379	402	3.00	7.00	3.25	13.25	13.50	
31	THV.A 02049	Nguyễn Thị Bích	Loan	11/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00172	402	4.75	8.00	4.25	17.00	17.00	
32	THV.A 02138	Khổng Thị	Luyến	24/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00693	402	6.25	6.50	4.50	17.25	17.50	
33	THV.A 02190	Trần Thị	Lý	12/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00378	402	4.00	5.25	4.75	14.00	14.00	
34	THV.A 02233	Trần Thị Tuyết	Mai	22/01/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.15. 00119	402	4.75	6.50	4.00	15.25	15.50	
35	THV.A 02290	Đặng Văn	Minh	08/10/82		Thị xã Phú Thọ	03	2	99.99. 00433	402	4.50	6.25	4.00	14.75	15.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.A 02449	Mai Kim Ngân	14/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 00915	402	4.00	8.00	4.00	16.00	16.00	
37	THV.A 02496	Nguyễn Phương Ngọc	12/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 00940	402	7.00	7.50	5.50	20.00	20.00	
38	THV.A 02540	Vũ Thị Nguyệt	04/08/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.01. 02965	402	6.75	7.25	4.00	18.00	18.00	
39	THV.A 02759	Lê Thị Phương	29/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00456	402	6.00	8.25	3.00	17.25	17.50	
40	THV.A 02810	Bùi Thị Phương	04/07/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	15.01. 00930	402	4.00	6.75	3.00	13.75	14.00	
41	THV.A 02826	Nguyễn Thị Phương	01/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00686	402	4.25	6.50	4.00	14.75	15.00	
42	THV.A 02830	Nguyễn Thị Hồng	19/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.11. 02414	402	4.25	7.50	5.75	17.50	17.50	
43	THV.A 03094	Phạm Văn Tân	06/04/91		Huyện Tam Nông		1	15.56. 01183	402	4.00	6.50	3.50	14.00	14.00	
44	THV.A 03179	Hoàng Ngọc Thái	01/01/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00165	402	5.00	8.00	5.50	18.50	18.50	
45	THV.A 03230	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.18. 00827	402	3.00	6.25	4.50	13.75	14.00	
46	THV.A 03253	Đinh Thị Phương Thảo	20/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.00. 02784	402	5.50	5.25	3.50	14.25	14.50	
47	THV.A 03309	Dương Thị Thẩm	09/03/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.33. 00136	402	4.25	6.25	4.50	15.00	15.00	
48	THV.A 03344	Lê Khắc Đức Thăng	28/09/91		Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00377	402	5.50	7.50	4.50	17.50	17.50	
49	THV.A 03402	Bùi Thị Thanh Thoan	28/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00146	402	3.75	7.50	3.75	15.00	15.00	
50	THV.A 03478	Nguyễn Thanh Thu	02/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.48. 01285	402	4.25	6.25	3.50	14.00	14.00	
51	THV.A 03551	Đặng Thị Thuỳ	12/08/91	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	19.15. 00019	402	5.50	6.00	2.50	14.00	14.00	
52	THV.A 03552	Nguyễn Thị Kim Thuỳ	01/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00145	402	5.00	8.50	5.75	19.25	19.50	
53	THV.A 03598	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	29/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.05. 03701	402	4.50	7.50	3.50	15.50	15.50	
54	THV.A 03617	Nguyễn Thị Hồng Thúy	14/10/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00064	402	3.50	6.50	2.50	12.50	12.50	
55	THV.A 03723	Trần Thị Tình	21/01/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.03. 00021	402	3.00	7.25	3.50	13.75	14.00	
56	THV.A 03874	Nguyễn Thị Trinh	10/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00361	402	4.25	6.50	5.00	15.75	16.00	
57	THV.A 04013	Lê Thị Thanh Tuyết	21/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.11. 00054	402	7.50	4.75	5.50	17.75	18.00	
58	THV.A 04093	Nguyễn Ngọc Tùng	08/07/91		TP. Việt Trì		2	15.61. 00076	402	4.75	6.50	3.50	14.75	15.00	
59	THV.A 04145	Mai Thị Vân	22/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.54. 01570	402	6.25	5.25	3.50	15.00	15.00	
60	THV.A 04278	Nguyễn Thị Hải Yến	23/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.03. 00303	402	4.50	6.75	3.75	15.00	15.00	
61	THV.A 04322	Triệu Thị Hồng Yến	27/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00637	402	7.75	7.25	6.50	21.50	21.50	

Cộng ngành 402 : 61 thí sinh

Phủ Thọ, ngày tháng 8 năm 2009
HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00101	Nguyễn Tiến	Anh	13/05/91		Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00157	403	5.75	6.50	3.00	15.25	15.50	
2	THV.A 00358	Bùi Ngọc	Cường	11/07/90		Huyện Kim Bôi	01	1	23.08. 00011	403	3.75	4.00	4.75	12.50	12.50	
3	THV.A 00359	Hoàng Mạnh	Cường	26/06/91		Huyện Yên Lập	01	1	15.65. 00256	403	2.25	6.50	3.00	11.75	12.00	
4	THV.A 00448	Mai Trọng	Duy	14/10/91		Huyện Thanh Ba		1	15.24. 00055	403	4.00	6.50	3.50	14.00	14.00	
5	THV.A 00465	Trần Thị	Duyên	16/12/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	13.17. 00180	403	3.25	5.00	3.50	11.75	12.00	
6	THV.A 00503	Lương Việt	Dũng	20/07/91		Huyện Tam Nông		1	15.56. 01212	403	2.00	5.75	5.50	13.25	13.50	
7	THV.A 00548	Phạm Duy	Đại	01/12/91		Huyện Phù Ninh		2	15.05. 03710	403	7.25	4.25	3.25	14.75	15.00	
8	THV.A 00599	Nguyễn Thị	Đoàn	24/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.37. 00178	403	4.75	6.25	4.00	15.00	15.00	
9	THV.A 00604	Nguyễn Phương	Đông	02/07/91		Huyện Phù Ninh	06	1	15.43. 00667	403	3.75	6.25	3.25	13.25	13.50	
10	THV.A 00633	Trần Văn	Đức	27/07/91		Huyện Yên Thành		2NT	29.48. 00001	403	3.75	7.50	3.00	14.25	14.50	
11	THV.A 00672	Hà Thị Chà	Giang	01/03/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	15.41. 00033	403	3.50	6.75	3.50	13.75	14.00	
12	THV.A 00777	Nguyễn Thị	Hà	27/08/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.33. 00132	403	3.00	6.75	5.50	15.25	15.50	
13	THV.A 00965	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.00. 02777	403	5.75	8.00	6.50	20.25	20.50	
14	THV.A 01117	Nguyễn Thị Thu	Hiên	15/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00221	403	4.00	7.00	4.50	15.50	15.50	
15	THV.A 01161	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	05/11/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1	15.42. 00137	403	4.00	5.75	4.25	14.00	14.00	
16	THV.A 01307	Đình Thị Thuý	Hồng	16/12/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02434	403	4.50	6.50	4.25	15.25	15.50	
17	THV.A 01581	Trần Ngọc	Hung	15/02/91		Huyện Yên Lập	01	1	15.54. 01555	403	2.75	5.00	4.25	12.00	12.00	
18	THV.A 01637	Lường Thị Lan	Hương	28/10/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	13.27. 00252	403	2.00	6.50	3.25	11.75	12.00	
19	THV.A 01923	Nguyễn Thị	Liên	22/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 00091	403	2.75	5.75	3.25	11.75	12.00	
20	THV.A 01977	Trần Thuý	Linh	05/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	01	1	15.16. 01707	403	2.50	6.50	2.50	11.50	11.50	
21	THV.A 02105	Phạm Thế	Lộc	14/12/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00116	403	5.50	7.50	4.25	17.25	17.50	
22	THV.A 02311	Trần Văn	Mùi	27/04/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00124	403	5.50	8.00	6.50	20.00	20.00	
23	THV.A 02422	Nguyễn Thị	Ngà	26/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00654	403	7.25	4.75	3.75	15.75	16.00	
24	THV.A 02445	Trương Thị Thuý	Ngân	20/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00189	403	5.25	5.75	2.50	13.50	13.50	
25	THV.A 02493	Đỗ Bích	Ngọc	18/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 00892	403	7.75	4.25	3.25	15.25	15.50	
26	THV.A 02603	Phạm Thị Trang	Nhung	08/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00182	403	4.00	7.00	2.75	13.75	14.00	
27	THV.A 02622	Lê Thị Ngọc	Nhung	03/08/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.01. 00007	403	3.00	4.75	7.00	14.75	15.00	
28	THV.A 02877	Phan Hồng	Quân	16/01/85		Huyện Tam Nông	04	1	15.57. 01886	403	5.25	6.50	3.50	15.25	15.50	
29	THV.A 02913	Trần Mạnh	Quyết	14/09/90		Huyện Kim Bôi	01	1	23.08. 00010	403	5.25	8.00	5.50	18.75	19.00	
30	THV.A 02932	Trương Thị Mai	Quỳnh	12/07/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.01. 00009	403	4.50	6.75	4.75	16.00	16.00	
31	THV.A 02996	Đình Thị	Sinh	30/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.65. 00258	403	4.00	5.50	2.25	11.75	12.00	
32	THV.A 03132	Phan Thị Tuyết	Thanh	03/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.40. 00064	403	3.25	5.50	5.00	13.75	14.00	
33	THV.A 03134	Khổng Thị Kim	Thanh	03/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00671	403	5.00	6.75	5.25	17.00	17.00	
34	THV.A 03529	Hoàng Thị Ngọc	Thuý	21/01/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	08.12. 00244	403	2.00	7.00	2.50	11.50	11.50	
35	THV.A 03613	Nguyễn Thị Phương	Thuý	13/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.35. 00037	403	5.75	7.25	4.00	17.00	17.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.A 03701	Nguyễn Việt Tiến	15/05/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00181	403	4.25	6.25	2.75	13.25	13.50	
37	THV.A 03712	Trần Quang Tín	06/06/91		Huyện Lập Thạch		1	16.35. 00004	403	3.75	4.75	4.75	13.25	13.50	
38	THV.A 03784	Nguyễn Thị Huyền Trang	15/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00204	403	4.50	5.25	3.50	13.25	13.50	
39	THV.A 03901	Hà Trí Trung	18/12/91		Huyện Tam Dương		1	16.32. 00262	403	3.75	7.50	3.50	14.75	15.00	
40	THV.A 03931	Trần Xuân Trường	12/05/90		Huyện Cẩm Khê	01	1	15.33. 00127	403	5.00	7.00	4.75	16.75	17.00	
41	THV.A 03943	Nguyễn Việt Tuấn	07/02/91		Huyện Cẩm Khê		1	99.99. 00527	403	4.25	7.50	2.50	14.25	14.50	
42	THV.A 03974	Đỗ Anh Tuấn	04/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00115	403	5.25	4.75	3.25	13.25	13.50	
43	THV.A 04079	Đỗ Sơn Tùng	13/07/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00135	403	5.00	5.00	4.00	14.00	14.00	
44	THV.A 04179	Trần Hoàng Việt	11/11/91		Thành phố Hoà Bình		1	23.12. 00022	403	4.00	6.25	4.00	14.25	14.50	
45	THV.A 04226	Nguyễn Thanh Xuân	02/01/90		TP. Việt Trì		2	15.00. 02830	403	4.00	7.50	3.25	14.75	15.00	
46	THV.A 04285	Nguyễn Hải Yến	06/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00130	403	4.50	8.00	3.00	15.50	15.50	
47	THV.A 04293	Cù Thị Yến	20/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00158	403	4.00	6.25	3.00	13.25	13.50	

Cộng ngành 403 : 47 thí sinh

Phủ Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 00225	Vàng Thị	Chao	10/11/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.18. 00331	904	3.75	4.75	2.50	11.00	11.00	
2	THV.A 00439	Nhâm Thạch	Dung	19/10/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.91. 00121	904	3.25	7.50	7.25	18.00	18.00	
3	THV.A 00921	Nguyễn Thị	Hạnh	26/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00240	904	5.75	4.75	4.00	14.50	14.50	
4	THV.A 01148	Đỗ Thị	Hiên	06/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	15.45. 00054	904	3.75	6.50	4.25	14.50	14.50	
5	THV.A 01173	Trần Thị	Hoa	20/05/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	08.18. 00332	904	4.25	6.25	2.75	13.25	13.50	
6	THV.A 01333	Khuất Thị	Hồng	14/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00368	904	3.50	7.75	5.50	16.75	17.00	
7	THV.A 01356	Phùng Thị Dạ	Hợp	04/03/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	12.B2. 00439	904	4.50	5.50	4.00	14.00	14.00	
8	THV.A 01426	Lương Quốc	Huy	11/09/91		Huyện Văn Yên	01	1	13.12. 00130	904	2.75	6.25	3.25	12.25	12.50	
9	THV.A 01510	Trần Thị Thanh	Huyền	23/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 01235	904	4.50	5.50	4.75	14.75	15.00	
10	THV.A 01668	Vũ Diệu	Hương	18/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	15.45. 00057	904	4.50	6.50	3.00	14.00	14.00	
11	THV.A 01730	Phan Thị	Hường	22/01/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00141	904	7.25	7.75	4.75	19.75	20.00	
12	THV.A 01847	Nguyễn Thị Minh	Lan	04/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	15.51. 01784	904	7.25	7.50	3.50	18.25	18.50	
13	THV.A 02186	Bùi Thị	Lý	01/10/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00164	904	4.75	6.00	3.00	13.75	14.00	
14	THV.A 03186	Nguyễn Thị	Thái	14/04/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00137	904	3.00	7.75	3.25	14.00	14.00	
15	THV.A 04019	Đỗ ánh	Tuyết	04/04/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.54. 00109	904	4.00	4.75	4.50	13.25	13.50	

Cộng ngành 904 : 15 thí sinh

Phủ Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.A 01310	Hoàng Thị	Hồng	15/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.33. 00148	C66	1.50	4.75	2.75	9.00	9.00	
2	THV.A 02071	Vũ Thị Hồng	Loan	11/03/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	15.62. 00265	C66	2.00	5.75	3.75	11.50	11.50	
3	THV.A 02253	Hà Quang	Mạnh	11/06/90		Huyện Thanh Sơn	01	1	15.42. 00172	C66	1.75	3.25	3.50	8.50	8.50	
4	THV.A 02973	Trần Thị	San	15/07/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02398	C66	5.50	4.50	3.75	13.75	14.00	
5	THV.A 03190	Đình Công	Thám	02/06/89		Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00073	C66	1.50	4.25	3.50	9.25	9.50	
6	THV.A 04090	Nguyễn Giang	Tùng	21/12/89		Huyện Thanh Sơn	01	1	15.42. 00174	C66	1.25	4.75	3.00	9.00	9.00	

Cộng ngành C66 : 6 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.B04442	Nguyễn Thế Cường	01/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	15.50. 00613	304	6.75	2.50	3.50	12.75	13.00	
2	THV.B04451	Nguyễn Thuỳ Dung	04/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00721	304	5.00	4.50	4.25	13.75	14.00	
3	THV.B04456	Phạm Thanh Dung	06/04/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.00. 02933	304	4.50	6.25	4.25	15.00	15.00	
4	THV.B04468	Nguyễn Thuỳ Dung	12/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.51. 01820	304	5.25	9.00	8.25	22.50	22.50	
5	THV.B04519	Hà Đức Đạt	11/05/91		Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00392	304	3.25	6.00	5.50	14.75	15.00	
6	THV.B04553	Lỗ Thị Thu Giang	04/06/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.42. 00178	304	5.25	6.50	2.75	14.50	14.50	
7	THV.B04597	Nguyễn Thị Hải	13/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00703	304	5.50	5.50	3.50	14.50	14.50	
8	THV.B04624	Vi Thanh Hằng	17/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00156	304	5.75	4.00	5.00	14.75	15.00	
9	THV.B04625	Nguyễn Thị Lệ Hằng	06/03/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	99.99. 00197	304	3.75	6.75	5.25	15.75	16.00	
10	THV.B04734	Đào Thị Thanh Huyền	30/06/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00206	304	4.75	2.75	5.00	12.50	12.50	
11	THV.B04750	Lê Đức Hùng	22/05/91		Huyện Phù Ninh		2	15.05. 03714	304	4.25	5.75	3.75	13.75	14.00	
12	THV.B04763	Trần Thị Thu Hương	20/02/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.15. 00146	304	5.50	5.00	3.50	14.00	14.00	
13	THV.B04784	Phạm Thị Thu Hương	04/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 01243	304	4.75	6.50	4.25	15.50	15.50	
14	THV.B04818	Phạm Trung Kiên	11/06/91		Huyện Phù Ninh		1	15.47. 00087	304	6.25	3.00	3.25	12.50	12.50	
15	THV.B04829	Nguyễn Thị Minh Lan	04/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	15.51. 01805	304	4.25	7.50	4.25	16.00	16.00	
16	THV.B04889	Nguyễn Thị Kim Loan	15/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.26. 00209	304	4.50	4.25	4.50	13.25	13.50	
17	THV.B04953	Đặng Văn Minh	08/10/82		Thị xã Phú Thọ	03	2	99.99. 00207	304	3.75	4.75	5.00	13.50	13.50	
18	THV.B05033	Trần Thị Tuyết Nhung	19/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	15.21. 00224	304	6.75	2.25	3.50	12.50	12.50	
19	THV.B05079	Triệu Thị Phương	17/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00725	304	4.50	3.50	5.50	13.50	13.50	
20	THV.B05114	Nguyễn Trọng Quyết	29/05/91		Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00219	304	6.25	4.00	3.50	13.75	14.00	
21	THV.B05119	Nguyễn Dạ Hương Quỳnh	17/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00205	304	4.25	5.00	6.50	15.75	16.00	
22	THV.B05148	Trần Thị Tâm	22/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00700	304	5.50	5.25	3.75	14.50	14.50	
23	THV.B05156	Nguyễn Việt Tân	15/12/91		Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00722	304	2.75	5.25	5.25	13.25	13.50	
24	THV.B05181	Mai Đức Thành	22/06/89		Huyện Sơn Dương		2	99.99. 00204	304	3.50	5.25	4.50	13.25	13.50	
25	THV.B05201	Tạ Thị Phương Thảo	12/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.51. 01245	304	5.50	4.00	4.75	14.25	14.50	
26	THV.B05239	Vi Đức Thịnh	07/09/90		Thị xã Phú Thọ		2	15.15. 00154	304	5.25	6.50	5.25	17.00	17.00	
27	THV.B05318	Nguyễn Duy Tiến	11/02/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00208	304	7.00	2.25	4.50	13.75	14.00	
28	THV.B05329	Nguyễn Mạnh Tĩnh	04/05/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00203	304	4.50	3.50	4.25	12.25	12.50	
29	THV.B05354	Trần Thị Huyền Trang	28/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00154	304	6.50	8.25	5.00	19.75	20.00	
30	THV.B05359	Lê Quang Trung	12/07/91		TP. Việt Trì		2	15.01. 00996	304	5.50	5.50	5.25	16.25	16.50	

Cộng ngành 304 : 30 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.B04444	Hà Mạnh	Cường	16/11/90		Huyện Cẩm Khê		1	15.33. 00156	305	5.75	3.75	4.50	14.00	14.00	
2	THV.B04636	Phùng Đức	Hiếu	20/11/89		Huyện Thanh Sơn	01	1	15.42. 00180	305	6.25	3.00	3.00	12.25	12.50	
3	THV.B04656	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.33. 00049	305	6.00	2.25	4.50	12.75	13.00	
4	THV.B04677	Đỗ Thị	Hoà	15/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00246	305	4.75	4.00	4.75	13.50	13.50	
5	THV.B04737	Bùi Thị Lệ	Huyền	05/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2	15.11. 02480	305	3.50	6.50	4.50	14.50	14.50	
6	THV.B04758	Nguyễn Nhật	Hưng	24/05/91		Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00706	305	5.75	4.00	3.50	13.25	13.50	
7	THV.B04827	Vũ Thị	Lan	10/01/90	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	13.21. 00022	305	3.50	5.00	5.50	14.00	14.00	
8	THV.B04896	Nguyễn Văn	Long	20/11/91		Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 03112	305	7.00	3.75	4.50	15.25	15.50	
9	THV.B04914	Thào A	Lù	08/12/91		Huyện Mù Cang Chải	01	1	13.05. 00003	305	5.75	3.00	3.50	12.25	12.50	
10	THV.B04929	Nguyễn Thị	Mai	11/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02437	305	5.50	4.75	2.50	12.75	13.00	
11	THV.B04964	Trần Ngọc	Nam	07/05/91		TP. Việt Trì		2	15.63. 00965	305	4.00	5.00	4.75	13.75	14.00	
12	THV.B05036	Hán Thị Hồng	Nhung	20/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.54. 01604	305	5.00	4.50	3.50	13.00	13.00	
13	THV.B05135	Đình Quang	Sơn	19/11/90		Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00098	305	4.25	3.25	3.00	10.50	10.50	
14	THV.B05157	Nguyễn Trọng	Tấn	27/09/91		Huyện Yên Lập		1	15.34. 00110	305	3.75	5.50	6.00	15.25	15.50	
15	THV.B05179	Hoàng Quang	Thánh	15/02/90		Huyện Bắc Quang	01	1	05.28. 02064	305	5.50	3.50	2.50	11.50	11.50	
16	THV.B05180	Tạ Tuấn	Thành	28/08/91		TP. Việt Trì	06	2	15.01. 00987	305	5.00	6.50	5.50	17.00	17.00	
17	THV.B05368	Trần Xuân	Trường	13/12/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00125	305	6.50	4.25	4.00	14.75	15.00	
18	THV.B05382	Phùng Anh	Tuấn	15/08/91		Huyện Phù Ninh		2NT	15.45. 00080	305	4.50	6.25	3.00	13.75	14.00	
19	THV.B05398	Bùi Nam	Tuyển	07/08/91		Huyện Phù Ninh		2	15.11. 02514	305	6.25	4.25	4.25	14.75	15.00	
20	THV.B05436	Trần Thị	Vui	10/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00124	305	5.50	5.00	4.50	15.00	15.00	
21	THV.B05461	Vương Hải	Yến	21/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00213	305	5.25	4.00	3.00	12.25	12.50	

Cộng ngành 305 : 21 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.B04392	Dương Hoà Bình	02/12/91		Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02498	306	7.25	5.75	5.75	18.75	19.00	
2	THV.B04414	Nguyễn Thị Kim Chung	19/02/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	15.01. 00991	306	5.25	4.25	5.00	14.50	14.50	
3	THV.B04481	Nguyễn Đức Duy	11/05/91		Huyện Lập Thạch		1	16.38. 00152	306	5.75	3.25	4.75	13.75	14.00	
4	THV.B04535	Đỗ Văn Đông	29/09/91		Huyện Mê Linh		2NT	1B.79. 00494	306	6.00	3.00	4.00	13.00	13.00	
5	THV.B04536	Nguyễn Văn Đông	26/01/91		Huyện Tam Dương		2NT	16.21. 00821	306	6.50	4.25	2.75	13.50	13.50	
6	THV.B04563	Hồ Thị Thu Hà	02/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.53. 02397	306	5.50	3.75	5.00	14.25	14.50	
7	THV.B04618	Dương Thị Hằng	10/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00394	306	5.25	3.50	3.75	12.50	12.50	
8	THV.B04634	Hà Huy Hiếu	22/01/90		Huyện Đoan Hùng		1	15.16. 01728	306	6.75	5.00	3.50	15.25	15.50	
9	THV.B04771	Đặng Thị Thanh Hương	05/09/89	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	99.99. 00252	306	4.75	7.00	3.00	14.75	15.00	
10	THV.B04825	Hoàng Thị Lan	23/07/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	15.05. 03715	306	6.00	5.75	5.50	17.25	17.50	
11	THV.B04860	Nguyễn Văn Linh	28/09/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.42. 00182	306	4.50	7.25	4.00	15.75	16.00	
12	THV.B04933	Nguyễn Thị Mai	17/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.51. 01811	306	5.50	4.25	3.50	13.25	13.50	
13	THV.B04935	Trần Thị Tuyết Mai	22/01/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.15. 00148	306	5.00	5.25	3.75	14.00	14.00	
14	THV.B04943	Triệu Văn Mạnh	25/12/91		Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00716	306	5.50	3.25	4.50	13.25	13.50	
15	THV.B05034	Trần Thị Thu Nhung	25/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.47. 00097	306	6.50	4.50	3.50	14.50	14.50	
16	THV.B05070	Lê Thị Phương	29/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00221	306	5.50	6.00	3.75	15.25	15.50	
17	THV.B05163	Nguyễn Quang Thanh	01/11/91		Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00723	306	5.50	4.00	6.50	16.00	16.00	
18	THV.B05199	Đoàn Thị Thương Thảo	01/04/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	13.26. 00030	306	6.00	2.25	4.25	12.50	12.50	
19	THV.B05202	Đặng Thị Phương Thảo	01/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02427	306	5.75	2.75	3.75	12.25	12.50	
20	THV.B05212	Phùng Thị Thảo	15/03/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	16.14. 00281	306	5.25	4.50	3.50	13.25	13.50	
21	THV.B05223	Dương Văn Thắng	16/12/91		Huyện Tam Đảo		1	16.01. 02981	306	4.50	4.25	5.75	14.50	14.50	
22	THV.B05236	Thiều Đức Thịnh	20/10/90		Huyện Thanh Thủy		1	15.60. 01499	306	7.00	2.75	4.50	14.25	14.50	
23	THV.B05272	Phạm Thị Thuyết	27/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.47. 00099	306	6.00	3.50	4.50	14.00	14.00	
24	THV.B05374	Bùi Đức Tuấn	20/05/91		Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00713	306	5.50	6.75	7.50	19.75	20.00	
25	THV.B05375	Nguyễn Anh Tuấn	01/09/91		Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02442	306	5.75	9.00	4.50	19.25	19.50	
26	THV.B05401	Phan Ngọc Tú	20/08/91		Huyện Tam Nông		1	15.54. 01605	306	6.00	6.25	6.25	18.50	18.50	
27	THV.B05419	Nguyễn Thị Tươi	29/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00369	306	4.50	4.75	4.50	13.75	14.00	

Cộng ngành 306 : 27 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.B04341	Trần Ngọc	Anh	26/10/90		Huyện Cẩm Khê	06	2NT	15.33. 00167	C66	4.50	3.25	2.75	10.50	10.50	
2	THV.B04353	Phạm Thị Lan	Anh	16/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02497	C66	3.50	4.50	2.50	10.50	10.50	
3	THV.B04356	Đặng Thị Kim	Anh	23/12/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00253	C66	5.00	4.75	5.50	15.25	15.50	
4	THV.B04359	Nguyễn Thế	Anh	01/04/90		Huyện Đoan Hùng		2	15.20. 01949	C66	3.50	3.50	4.00	11.00	11.00	
5	THV.B04445	Hà Quang	Dấu	02/05/89		Huyện Thanh Sơn	01	1	15.42. 00190	C66	3.75	1.25	4.25	9.25	9.50	
6	THV.B04506	Nguyễn Hữu	Dương	25/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00232	C66	4.75	5.25	5.75	15.75	16.00	
7	THV.B04529	Phạm Quốc	Đoàn	20/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00140	C66	4.75	4.00	3.00	11.75	12.00	
8	THV.B04545	Lê Thị Thuý	Giang	13/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	15.11. 02487	C66	4.50	2.25	3.50	10.25	10.50	
9	THV.B04588	Phan Thị Thanh	Hải	06/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	15.43. 00692	C66	4.50	4.00	6.75	15.25	15.50	
10	THV.B04626	Hoàng Thị Thu	Hằng	14/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.15. 00151	C66	4.75	5.00	3.50	13.25	13.50	
11	THV.B04687	Hoàng Thị	Hòa	14/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	15.41. 00053	C66	3.50	1.25	2.75	7.50	7.50	
12	THV.B04751	Lê Huy	Hùng	09/12/86		Huyện Cẩm Khê		2NT	15.33. 00168	C66	3.00	4.75	4.50	12.25	12.50	
13	THV.B04790	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	15.34. 00116	C66	4.75	1.75	2.75	9.25	9.50	
14	THV.B04832	Lê Thị	Lan	07/05/89	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00096	C66	3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
15	THV.B04855	Phạm Thị Hồng	Liên	10/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00129	C66	6.50	6.25	5.50	18.25	18.50	
16	THV.B04928	Lê Thị Thanh	Mai	29/10/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00233	C66	4.00	5.25	4.25	13.50	13.50	
17	THV.B04937	Đào Thị Ngọc	Mai	20/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.03. 00360	C66	5.25	2.00	3.50	10.75	11.00	
18	THV.B05030	Đào Thị Hồng	Nhung	19/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00254	C66	5.50	1.50	3.50	10.50	10.50	
19	THV.B05196	Đoàn Thị Phương	Thảo	05/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00137	C66	8.50	8.00	5.75	22.25	22.50	
20	THV.B05204	Phạm Thị Thanh	Thảo	10/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.59. 00165	C66	3.75	3.75	3.50	11.00	11.00	
21	THV.B05210	Nguyễn Thị Bích	Thảo	10/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00689	C66	4.50	4.50	5.50	14.50	14.50	
22	THV.B05261	Bùi Thị Hồng	Thu	08/08/88	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.00. 02926	C66	3.50	3.00	5.50	12.00	12.00	
23	THV.B05421	Bùi Thị	Uyên	18/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.55. 02854	C66	5.00	2.25	4.50	11.75	12.00	

Cộng ngành C66 : 23 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.C05497	Vũ Tuấn	Anh	09/07/91		Huyện Lập Thạch		1	16.38. 00166	602	5.00	5.50	8.00	18.50	18.50	
2	THV.C05511	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	19/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00727	602	6.50	6.25	6.50	19.25	19.50	
3	THV.C05555	Cao Hồng	Chang	27/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	15.00. 02871	602	6.50	4.25	7.75	18.50	18.50	
4	THV.C05594	Lê Văn	Công	22/07/89		Huyện Đoan Hùng		1	15.20. 01965	602	4.50	7.50	6.25	18.25	18.50	
5	THV.C05660	Nguyễn Thị	Dung	03/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02465	602	5.00	7.25	7.75	20.00	20.00	
6	THV.C05690	Nguyễn Thị Thuý	Dương	10/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00401	602	7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	
7	THV.C05718	Nguyễn Ngọc	Đông	13/03/90		Huyện Phù Ninh		1	15.00. 02852	602	5.00	6.25	6.75	18.00	18.00	
8	THV.C05745	Trần Thị	Giang	24/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00243	602	5.50	7.75	7.50	20.75	21.00	
9	THV.C05752	Nguyễn Thị Thùy	Giang	21/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.37. 00214	602	7.00	8.00	8.00	23.00	23.00	
10	THV.C05774	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00287	602	6.00	5.75	8.00	19.75	20.00	
11	THV.C05846	Lương Hồng	Hạnh	22/11/90	Nữ	Huyện Lục Yên		1	13.30. 00091	602	4.50	6.25	7.75	18.50	18.50	
12	THV.C05868	Nguyễn Thu	Hằng	20/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.05. 03721	602	7.00	8.50	7.75	23.25	23.50	
13	THV.C05870	Nguyễn Thị Thuý	Hằng	22/04/89	Nữ	Thành phố Sơn Tây		2	1B.10. 00690	602	6.00	7.00	7.50	20.50	20.50	
14	THV.C05918	Nguyễn Văn	Hiệp	15/05/89		Huyện Lục Yên	01	1	13.30. 00086	602	4.50	8.75	5.25	18.50	18.50	
15	THV.C05920	Nguyễn Văn	Hiệu	12/10/89		Huyện Phù Ninh		1	99.99. 00270	602	4.00	7.75	6.75	18.50	18.50	
16	THV.C05935	Trần Thị	Hiên	02/01/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.23. 00102	602	5.50	8.25	6.75	20.50	20.50	
17	THV.C05936	Nguyễn Thị Thu	Hiên	04/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00236	602	7.00	6.00	5.75	18.75	19.00	
18	THV.C05940	Nguyễn Thu	Hiên	11/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00240	602	6.50	5.00	7.00	18.50	18.50	
19	THV.C06012	Khuất Thị	Hoài	02/02/90	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2	1B.21. 00456	602	5.50	8.00	7.00	20.50	20.50	
20	THV.C06078	Phạm Thị	Huệ	16/02/90	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	1B.17. 00586	602	4.50	8.00	7.25	19.75	20.00	
21	THV.C06120	Nghiêm Thị Thanh	Huyền	15/09/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	1	15.33. 00172	602	4.50	7.25	7.00	18.75	19.00	
22	THV.C06146	Trần Thị	Huyền	13/02/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	15.42. 00206	602	4.50	5.75	5.50	15.75	16.00	
23	THV.C06180	Nguyễn Thị Thu	Hương	14/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00247	602	4.50	6.00	7.25	17.75	18.00	
24	THV.C06196	Phạm Thị Mai	Hương	10/05/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.20. 01970	602	6.00	6.75	8.25	21.00	21.00	
25	THV.C06216	Chu Thị Thu	Hường	20/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00234	602	6.00	8.50	7.00	21.50	21.50	
26	THV.C06314	Lê Thị	Liên	28/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	01	1	16.32. 00536	602	6.50	5.25	6.75	18.50	18.50	
27	THV.C06336	Bùi Thị Hồng	Linh	01/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 01002	602	6.00	5.00	7.75	18.75	19.00	
28	THV.C06380	Đỗ Thị Hồng	Loan	28/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.32. 00532	602	6.50	8.50	7.75	22.75	23.00	
29	THV.C06398	Đào Thị Hồng	Luyến	15/03/90	Nữ	Huyện Tam Dương		1	16.01. 00786	602	5.00	7.50	6.50	19.00	19.00	
30	THV.C06406	Vũ Thị Kim	Lương	10/10/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.15. 00163	602	5.00	7.25	7.25	19.50	19.50	
31	THV.C06449	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	08/08/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.01. 02993	602	3.50	7.00	7.75	18.25	18.50	
32	THV.C06470	Vũ Thị	Mây	01/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.47. 00110	602	4.00	6.25	8.25	18.50	18.50	
33	THV.C06509	Nguyễn Tiến	Nam	14/01/91		Huyện Đoan Hùng	06	1	15.16. 01736	602	4.50	7.50	8.00	20.00	20.00	
34	THV.C06563	Hoàng Thị	Ngân	19/03/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	09.23. 00200	602	6.50	4.50	6.50	17.50	17.50	
35	THV.C06665	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/08/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.53. 02410	602	6.00	8.25	9.00	23.25	23.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.C06678	Đào Thị	Như	10/11/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.01. 02991	602	6.00	6.25	7.50	19.75	20.00	
37	THV.C06679	Phùng Thị	Nhuông	27/07/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	15.02. 05096	602	7.00	5.75	7.75	20.50	20.50	
38	THV.C06733	Hoàng Thị	Phương	26/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	15.45. 00097	602	6.50	6.00	6.50	19.00	19.00	
39	THV.C06779	Ngọc Thị Lệ	Quyên	09/03/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.14. 01188	602	5.50	5.50	6.25	17.25	17.50	
40	THV.C06797	Nguyễn Thị	Quỳnh	19/07/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.18. 00863	602	4.50	8.00	6.25	18.75	19.00	
41	THV.C06816	Chu Tiến	Sang	11/11/89		Huyện Đoan Hùng		1	15.20. 01969	602	4.00	8.00	6.75	18.75	19.00	
42	THV.C06836	Vi Văn	Son	15/09/90		Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00275	602	5.50	6.50	7.00	19.00	19.00	
43	THV.C06868	Bùi Thị	Tâm	20/12/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	23.42. 00056	602	4.50	4.75	6.75	16.00	16.00	
44	THV.C06916	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00234	602	6.00	4.00	8.25	18.25	18.50	
45	THV.C06982	Trần Đức	Thọ	02/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.51. 01822	602	5.00	7.25	7.50	19.75	20.00	
46	THV.C07012	Trần Thị	Thu	20/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00236	602	5.00	4.50	8.25	17.75	18.00	
47	THV.C07019	Vũ Thị	Thu	14/08/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02454	602	4.00	7.00	8.00	19.00	19.00	
48	THV.C07040	Nguyễn Thị	Thúy	13/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02531	602	5.00	6.75	7.00	18.75	19.00	
49	THV.C07054	Đình Thị Lệ	Thùy	18/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00235	602	6.00	5.00	6.75	17.75	18.00	
50	THV.C07144	Nguyễn Thị Thanh	Toán	26/06/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00235	602	7.00	8.00	8.25	23.25	23.50	
51	THV.C07152	Đặng Thị	Trang	05/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.00. 02851	602	7.00	6.75	7.75	21.50	21.50	
52	THV.C07188	Nguyễn Thị Huyền	Trang	11/12/91	Nữ	Huyện Kim Bôi		1	23.37. 00047	602	6.50	7.50	7.00	21.00	21.00	
53	THV.C07195	Trương Thị	Trang	20/02/89	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	16.01. 00797	602	4.50	7.50	6.50	18.50	18.50	
54	THV.C07277	Lê Thị	Tụ	24/12/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02463	602	5.50	7.75	7.00	20.25	20.50	
55	THV.C07307	Nguyễn Thị Thu	Vân	18/06/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.60. 01511	602	4.50	6.50	7.50	18.50	18.50	

Cộng ngành 602 : 55 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.C05522	Trương Văn	Ba	31/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.64. 02234	605	3.50	4.25	6.25	14.00	14.00	
2	THV.C05523	Nguyễn Văn	Bách	10/10/91		Huyện Tam Nông		1	15.56. 01268	605	5.00	3.75	7.25	16.00	16.00	
3	THV.C05544	Phạm Thị	Bình	23/12/90	Nữ	Quận Mười		2	99.99. 00319	605	6.00	3.00	6.00	15.00	15.00	
4	THV.C05638	Nguyễn Thị	Dung	04/11/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.57. 01937	605	5.00	2.50	5.75	13.25	13.50	
5	THV.C05640	Bùi Kim	Dung	03/01/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.26. 00068	605	5.50	2.25	5.75	13.50	13.50	
6	THV.C05669	Vũ Thị	Duyên	28/01/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.21. 00406	605	5.50	3.00	4.75	13.25	13.50	
7	THV.C05700	Trần Thị Anh	Đào	22/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00243	605	6.00	1.50	6.50	14.00	14.00	
8	THV.C05702	Đặng Thành	Đạt	23/08/91		Huyện Ba Vì	06	2NT	1B.14. 00749	605	6.00	4.50	6.25	16.75	17.00	
9	THV.C05753	Lê Hà	Giang	05/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	15.41. 00072	605	5.00	2.00	7.00	14.00	14.00	
10	THV.C05782	Đỗ Thị Thu	Hà	02/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.47. 00113	605	4.50	4.75	6.00	15.25	15.50	
11	THV.C05786	Nguyễn Thị	Hà	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00240	605	5.00	3.75	8.25	17.00	17.00	
12	THV.C05838	Phạm Thị Phương	Hạnh	08/01/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00285	605	6.50	8.00	5.75	20.25	20.50	
13	THV.C06030	Nguyễn Thị	Hồi	02/12/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00271	605	5.00	2.00	6.50	13.50	13.50	
14	THV.C06031	Phùng Thị	Hồi	02/08/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00272	605	5.50	4.00	6.00	15.50	15.50	
15	THV.C06167	Nguyễn Thị	Hương	15/04/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	09.24. 00214	605	5.50	7.00	7.75	20.25	20.50	
16	THV.C06175	Lý Thị	Hương	05/07/89	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.04. 00087	605	4.50	3.00	6.00	13.50	13.50	
17	THV.C06188	Vũ Thị	Hương	10/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh	06	1	15.47. 00115	605	5.50	4.00	7.00	16.50	16.50	
18	THV.C06231	Nguyễn Thị Thu	Hường	11/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00244	605	5.50	3.25	7.50	16.25	16.50	
19	THV.C06256	Đình Trung	Kiên	30/10/90		Huyện Thanh Sơn	01	1	99.99. 00313	605	4.50	8.00	5.75	18.25	18.50	
20	THV.C06344	Lương Long	Linh	15/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.64. 02230	605	4.50	6.25	7.50	18.25	18.50	
21	THV.C06352	Phan Văn	Lịch	17/07/90		Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00110	605	4.50	4.50	3.75	12.75	13.00	
22	THV.C06353	Vũ Thị Ngọc	Loan	12/05/90	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	05.00. 02081	605	5.00	8.00	8.50	21.50	21.50	
23	THV.C06361	Trần Thị Thanh	Loan	17/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.12. 04584	605	5.50	4.50	6.00	16.00	16.00	
24	THV.C06369	Nguyễn Thị Thanh	Loan	08/03/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.00. 02842	605	6.50	4.50	4.75	15.75	16.00	
25	THV.C06427	Âu Thị	Lý	05/02/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.29. 00243	605	5.00	2.75	7.25	15.00	15.00	
26	THV.C06436	Hà Thị Tuyết	Mai	19/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 01003	605	4.00	2.75	8.50	15.25	15.50	
27	THV.C06511	Lê Văn	Nam	05/01/90		Huyện Yên Lạc		2NT	16.01. 02990	605	4.00	8.50	8.25	20.75	21.00	
28	THV.C06575	Nguyễn Đại	Nghĩa	05/07/91		Huyện Cẩm Khê	06	1	15.29. 00265	605	5.00	1.75	5.75	12.50	12.50	
29	THV.C06580	Hà Thị Lan	Ngọc	08/02/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	09.31. 00267	605	5.00	4.00	5.75	14.75	15.00	
30	THV.C06629	Trần Thị Thanh	Nhã	16/07/89	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.47. 00112	605	5.00	4.00	4.50	13.50	13.50	
31	THV.C06672	Nguyễn Thị	Nhung	14/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.24. 00052	605	6.00	2.25	6.50	14.75	15.00	
32	THV.C06701	Lý Thị	Oanh	04/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	16.23. 00017	605	6.00	4.00	5.50	15.50	15.50	
33	THV.C06704	Hoàng Thị	Oanh	03/10/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.42. 00123	605	4.00	0.50	6.75	11.25	11.50	
34	THV.C06849	Vũ Văn	Tâm	25/01/90		Huyện Thanh Ba		1	15.24. 00096	605	4.00	3.50	6.75	14.25	14.50	
35	THV.C06851	Lê Thị Minh	Tâm	16/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	99.99. 00268	605	5.50	2.25	5.50	13.25	13.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.C06888	Trần Thị	Thanh	20/12/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.51. 01821	605	7.00	2.25	7.50	16.75	17.00	
37	THV.C06929	Đào Thị	Thảo	01/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.47. 00106	605	5.50	5.00	6.75	17.25	17.50	
38	THV.C07146	Nguyễn Thị	Toàn	06/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00242	605	5.00	4.25	7.00	16.25	16.50	
39	THV.C07353	Đặng Thanh	Xuân	02/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.56. 01254	605	6.00	3.50	6.75	16.25	16.50	
40	THV.C07384	Trần Thị Ngọc	Yến	28/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.32. 00232	605	6.00	4.25	8.50	18.75	19.00	
41	THV.C07399	Đỗ Thị	Yến	13/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.32. 00433	605	4.50	5.00	4.50	14.00	14.00	

Cộng ngành 605 : 41 thí sinh

Phủ Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.C05528	Nguyễn Thị Bằng	31/05/90	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	16.36. 00467	904	6.50	6.25	7.75	20.50	20.50	
2	THV.C05757	Nguyễn Thị Thanh	05/04/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.36. 00462	904	4.50	9.00	7.00	20.50	20.50	
3	THV.C05840	Nguyễn Thị Hạnh	09/09/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.00. 02846	904	6.50	6.00	8.25	20.75	21.00	
4	THV.C05841	Đình Thị Hạnh	16/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 00126	904	6.50	6.50	6.25	19.25	19.50	
5	THV.C06033	Lưu Thị Hồng	23/01/91	Nữ	Thị xã Phúc Yên	01	2	16.83. 00454	904	6.00	4.00	7.50	17.50	17.50	
6	THV.C06071	Vì Thị Huệ	13/02/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.32. 00111	904	6.00	5.00	6.75	17.75	18.00	
7	THV.C06136	Nguyễn Thị Huyền	10/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	15.51. 01831	904	7.00	5.50	7.25	19.75	20.00	
8	THV.C06162	Lê Thị Hưng	20/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.32. 00510	904	5.50	6.00	7.00	18.50	18.50	
9	THV.C06208	Hoàng Thị Hương	11/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	16.01. 04567	904	6.00	8.50	7.75	22.25	22.50	
10	THV.C06228	Nguyễn Thị Thu	12/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.23. 00107	904	6.00	8.50	8.50	23.00	23.00	
11	THV.C06346	Hà Thị Thuỳ	28/09/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.42. 00215	904	4.00	7.00	6.50	17.50	17.50	
12	THV.C06373	Lý Thị Loan	27/08/89	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	16.01. 00788	904	6.50	6.50	3.75	16.75	17.00	
13	THV.C06530	Đình Thị Quỳnh	12/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 01009	904	7.50	6.25	6.50	20.25	20.50	
14	THV.C06532	Hoàng Thị Nga	19/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 00139	904	5.00	7.25	8.75	21.00	21.00	
15	THV.C06547	Nguyễn Thị Ngà	12/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc	06	2NT	16.51. 01249	904	7.00	6.00	6.75	19.75	20.00	
16	THV.C06576	Nguyễn Thị Nghĩa	01/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc	06	2NT	16.55. 00032	904	7.00	6.50	6.75	20.25	20.50	
17	THV.C06619	Nguyễn Thị Nguyệt	30/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00377	904	6.50	7.00	8.25	21.75	22.00	
18	THV.C06630	Lò Thị Nhâm	03/07/90	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.03. 00065	904	6.00	6.25	5.75	18.00	18.00	
19	THV.C06653	Bùi Thị Hồng Nhung	29/07/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	23.42. 00060	904	5.50	6.25	6.00	17.75	18.00	
20	THV.C06695	Đỗ Thị Vân	07/01/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	1B.12. 01501	904	6.00	7.50	7.75	21.25	21.50	
21	THV.C06728	Vân Thị Phương	14/08/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.54. 00062	904	4.00	7.50	8.00	19.50	19.50	
22	THV.C06806	Hà Thị Thu	28/06/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00109	904	5.50	4.50	6.25	16.25	16.50	
23	THV.C06808	Vì Thị Xuân	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.11. 02524	904	5.50	6.25	7.75	19.50	19.50	
24	THV.C06817	Hà Mai	07/11/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	13.26. 00070	904	7.00	5.75	7.50	20.25	20.50	
25	THV.C06865	Hứa Thị Tâm	24/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02451	904	5.50	6.75	7.25	19.50	19.50	
26	THV.C06905	Trần Thị Thảo	05/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00275	904	5.00	7.50	8.00	20.50	20.50	
27	THV.C06910	Dương Thị Bích	21/08/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	99.99. 00375	904	5.50	7.50	6.50	19.50	19.50	
28	THV.C06967	Nguyễn Thị Thêm	22/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00147	904	6.50	4.25	8.75	19.50	19.50	
29	THV.C07023	Phan Thị Thu	24/01/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.01. 00787	904	6.00	7.75	7.00	20.75	21.00	
30	THV.C07143	Lê Thị Toán	07/11/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.32. 00421	904	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	
31	THV.C07158	Bùi Thị Như Trang	26/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.01. 01005	904	5.50	5.50	8.75	19.75	20.00	
32	THV.C07168	Hoàng Thị Trang	20/07/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	15.00. 02860	904	7.00	7.50	8.75	23.25	23.50	
33	THV.C07171	Nguyễn Thị Trang	10/01/87	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.00. 02847	904	6.00	6.75	7.00	19.75	20.00	
34	THV.C07187	Nguyễn Thị Quỳnh	20/10/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.28. 00092	904	6.00	7.25	7.50	20.75	21.00	
35	THV.C07243	Hoàng Thị Kim Tuyến	01/06/90	Nữ	Huyện Ba Vì	06	1	1B.17. 00587	904	5.50	6.50	5.50	17.50	17.50	

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2009
 TRƯỜNG THV C TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
 * Ngành 904 Giáo dục Tiểu học

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.C07298	Nguyễn Thị út	07/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.38. 00188	904	6.00	6.00	6.75	18.75	19.00	
37	THV.C07304	Hoàng Thị Vân	06/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.16. 01738	904	6.50	4.50	7.50	18.50	18.50	

Cộng ngành 904 : 37 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009
 HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.C05467	Nguyễn Thị Hoài	An	11/09/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.00. 02853	C68	5.50	3.50	5.25	14.25	14.50	
2	THV.C05495	Lê Thị	Anh	22/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.12. 04583	C68	5.00	2.50	5.00	12.50	12.50	
3	THV.C05515	Nguyễn Văn	ánh	16/05/89		Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00340	C68	4.00	5.00	4.25	13.25	13.50	
4	THV.C05560	Đình Thị Thúy	Châm	23/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.40. 00083	C68	3.50	2.00	6.00	11.50	11.50	
5	THV.C05585	Tạ Thành	Chung	25/01/90		TP. Việt Trì		2	15.00. 02857	C68	5.50	4.50	7.50	17.50	17.50	
6	THV.C05647	Nguyễn Thị	Dung	27/05/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.18. 00877	C68	5.50	1.50	5.50	12.50	12.50	
7	THV.C05657	Quản Thị	Dung	06/05/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.00. 02843	C68	5.50	4.00	4.75	14.25	14.50	
8	THV.C05664	Đình Thị	Duy	20/08/88	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	99.99. 00347	C68	5.00	0.50	4.25	9.75	10.00	
9	THV.C05707	Nguyễn Trung	Điệp	14/04/88		Huyện Cẩm Khê		1	15.33. 00189	C68	4.00	3.75	3.75	11.50	11.50	
10	THV.C05714	Vi Thị	Định	17/01/89	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00311	C68	5.00	6.00	6.75	17.75	18.00	
11	THV.C05756	Nguyễn Thị Thu	Giang	02/07/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.33. 00190	C68	5.00	4.75	7.00	16.75	17.00	
12	THV.C05764	Nguyễn Thị Thuý	Hà	05/09/88	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00314	C68	5.00	4.50	7.25	16.75	17.00	
13	THV.C05964	Nguyễn Thị	Hoa	03/09/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00293	C68	6.00	4.00	6.75	16.75	17.00	
14	THV.C05970	Phạm Thị Tân	Hoa	07/12/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.33. 00191	C68	5.50	4.50	4.50	14.50	14.50	
15	THV.C05983	Vũ Thị Yến	Hoa	13/01/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.33. 00194	C68	5.50	7.25	5.50	18.25	18.50	
16	THV.C05986	Vi Thị Thanh	Hoa	22/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.11. 02518	C68	5.00	4.50	6.00	15.50	15.50	
17	THV.C06060	Nguyễn Thanh	Huế	01/11/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.00. 02855	C68	4.50	4.00	5.00	13.50	13.50	
18	THV.C06109	Hà Thị Thanh	Huyền	23/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00323	C68	7.00	8.00	7.75	22.75	23.00	
19	THV.C06116	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	22/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.24. 00085	C68	5.00	1.50	7.00	13.50	13.50	
20	THV.C06133	Khuất Thị	Huyền	06/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.59. 00180	C68	6.00	1.75	6.00	13.75	14.00	
21	THV.C06204	Trần Thị Thu	Hương	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.59. 00181	C68	6.00	7.75	5.75	19.50	19.50	
22	THV.C06205	Bùi Thị	Hương	12/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.64. 02246	C68	5.50	3.25	4.75	13.50	13.50	
23	THV.C06226	Hoàng Thị Thu	Hường	15/08/87	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.20. 01952	C68	5.50	5.50	5.50	16.50	16.50	
24	THV.C06246	Phùng Văn	Khanh	22/10/88		Huyện Tân Sơn	01	1	99.99. 00321	C68	4.00	6.00	5.25	15.25	15.50	
25	THV.C06267	Hà Thị Ngọc	Lan	16/10/86	Nữ	Huyện Tam Nông		1	99.99. 00279	C68	5.00	7.50	6.75	19.25	19.50	
26	THV.C06276	Nguyễn Thị	Lan	10/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.15. 00172	C68	4.00	2.75	5.50	12.25	12.50	
27	THV.C06291	Trần Thị	Lập	15/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	15.45. 00104	C68	5.50	1.25	5.50	12.25	12.50	
28	THV.C06306	Lã Quỳnh	Liên	28/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00267	C68	4.00	3.50	5.25	12.75	13.00	
29	THV.C06342	Hà Khánh	Linh	16/05/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.42. 00224	C68	6.50	6.50	5.75	18.75	19.00	
30	THV.C06357	Phạm Thị Hồng	Loan	16/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00725	C68	5.00	7.00	8.00	20.00	20.00	
31	THV.C06370	Lê Thị	Loan	28/10/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00271	C68	5.50	7.50	6.50	19.50	19.50	
32	THV.C06519	Đình Thị Hằng	Nga	21/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.62. 00273	C68	5.00	2.00	4.25	11.25	11.50	
33	THV.C06613	Vi Thị ánh	Nguyệt	08/01/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00272	C68	4.00	2.75	6.25	13.00	13.00	
34	THV.C06674	Đình Thị	Nhung	02/06/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	01	1	15.59. 00179	C68	4.50	4.00	6.50	15.00	15.00	
35	THV.C06712	Lã Thị Minh	Phương	02/02/88	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00269	C68	6.00	5.50	8.00	19.50	19.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.C06802	Trương Thị Như	Quỳnh	04/08/89	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.42. 00225	C68	5.00	6.00	4.50	15.50	15.50	
37	THV.C06870	Phạm Quang	Tân	07/09/91		Huyện Thanh Ba		1	15.24. 00084	C68	4.50	2.50	6.00	13.00	13.00	
38	THV.C06914	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/03/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00300	C68	5.50	7.00	5.75	18.25	18.50	
39	THV.C06974	Nguyễn Thị	Thịnh	15/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.00. 02878	C68	5.50	1.25	5.25	12.00	12.00	
40	THV.C07022	Trần Thị Hồng	Thu	09/11/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.33. 00187	C68	4.00	4.50	5.25	13.75	14.00	
41	THV.C07063	Nhâm Thị Thu	Thủy	01/12/88	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00282	C68	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	
42	THV.C07067	Nguyễn Thị	Thủy	15/07/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	99.99. 00277	C68	6.00	5.50	7.75	19.25	19.50	
43	THV.C07139	Hoàng Thị	Tĩnh	11/02/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.28. 00100	C68	4.50	8.50	6.00	19.00	19.00	
44	THV.C07208	Đinh Thị Huyền	Trang	06/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.26. 00255	C68	6.00	1.50	6.75	14.25	14.50	
45	THV.C07217	Đặng Công	Trọng	13/05/91		Huyện Thanh Ba		1	15.24. 00083	C68	5.50	1.50	6.75	13.75	14.00	
46	THV.C07375	Hà Thị Hải	Yến	01/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.23. 00110	C68	5.00	4.50	6.50	16.00	16.00	

Cộng ngành C68 : 46 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

* Điểm bài thi chưa tính hệ số

* Ngành 701 Tiếng Anh

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.D1 07405	Nguyễn Thị Thúy	An	02/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	12.B2. 00437	701	6.00	4.00	3.25	13.25	13.50	
2	THV.D1 07424	Nguyễn Thị Lan	Anh	17/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00739	701	7.50	4.50	3.75	15.75	16.00	
3	THV.D1 07428	Nguyễn Thị Lan	Anh	03/05/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00281	701	5.50	4.75	6.75	17.00	17.00	
4	THV.D1 07488	Nguyễn Xuân	Duy	26/09/90		TP. Việt Trì		2	15.00. 02899	701	4.50	1.25	6.50	12.25	12.50	
5	THV.D1 07510	Nguyễn Thị Bích	Điệp	23/12/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	15.34. 00149	701	4.00	7.75	3.25	15.00	15.00	
6	THV.D1 07512	Trần Tiến	Độ	14/10/90		Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00120	701	6.00	2.50	5.00	13.50	13.50	
7	THV.D1 07517	Cam Minh	Giang	06/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.18. 00885	701	6.00	6.25	4.75	17.00	17.00	
8	THV.D1 07532	Hán Thu	Hà	18/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.54. 01633	701	6.50	3.25	5.00	14.75	15.00	
9	THV.D1 07539	Trần Thị Ngọc	Hà	10/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.18. 00887	701	5.50	2.75	4.75	13.00	13.00	
10	THV.D1 07604	Triệu Thị Thanh	Hoa	25/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00760	701	5.50	7.00	2.75	15.25	15.50	
11	THV.D1 07610	Nguyễn Thị	Hoa	27/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00771	701	7.00	4.25	4.75	16.00	16.00	
12	THV.D1 07616	Trần Thanh	Hoà	20/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.20. 01978	701	5.00	6.25	5.25	16.50	16.50	
13	THV.D1 07635	Đình Thị	Hồng	09/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.37. 00235	701	6.50	5.00	5.00	16.50	16.50	
14	THV.D1 07657	Vy Thị	Huyền	/01/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.18. 00335	701	3.00	2.25	5.00	10.25	10.50	
15	THV.D1 07684	Trần Thị Mai	Hương	01/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.16. 01743	701	5.50	3.50	4.25	13.25	13.50	
16	THV.D1 07688	Hán Thị Thu	Hương	15/04/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00131	701	5.50	5.25	4.00	14.75	15.00	
17	THV.D1 07692	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.12. 00254	701	4.50	1.50	6.25	12.25	12.50	
18	THV.D1 07696	Hoàng Thị Kim	Hương	12/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	15.49. 00774	701	7.50	5.25	4.25	17.00	17.00	
19	THV.D1 07699	Phạm Thị	Hương	16/11/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	15.00. 02901	701	5.00	2.75	7.00	14.75	15.00	
20	THV.D1 07700	Trần Thị Lan	Hương	22/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.32. 00247	701	7.00	3.00	4.00	14.00	14.00	
21	THV.D1 07706	Bùi Thị Thu	Hương	23/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00267	701	4.50	2.50	5.25	12.25	12.50	
22	THV.D1 07719	Nguyễn Thị Thu	Hường	06/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.16. 01744	701	5.50	3.75	5.00	14.25	14.50	
23	THV.D1 07722	Hà Thị Thu	Hường	05/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.40. 00099	701	5.50	2.25	4.25	12.00	12.00	
24	THV.D1 07733	Đặng Hoàng	Lan	27/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.37. 00236	701	8.00	6.00	5.50	19.50	19.50	
25	THV.D1 07737	Lê Thị Phương	Lan	15/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00383	701	7.00	2.50	4.25	13.75	14.00	
26	THV.D1 07756	Phạm Thị Hồng	Liên	07/10/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.57. 01944	701	6.00	6.50	4.75	17.25	17.50	
27	THV.D1 07778	Hà Thị Thanh	Loan	18/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh	06	1	15.43. 00743	701	7.50	5.00	3.75	16.25	16.50	
28	THV.D1 07783	Phan Thị	Loan	01/08/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.60. 01512	701	6.50	2.50	4.50	13.50	13.50	
29	THV.D1 07803	Đỗ Thị	Mai	12/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.32. 00428	701	6.50	0.25	6.25	13.00	13.00	
30	THV.D1 07839	Hà Thị Kim	Ngân	20/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		2	15.11. 02542	701	6.50	3.75	4.00	14.25	14.50	
31	THV.D1 07843	Ninh Thị Kim	Ngân	20/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00758	701	4.50	5.75	3.75	14.00	14.00	
32	THV.D1 07871	Đỗ Thị	Nhung	15/06/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02552	701	6.50	5.50	5.75	17.75	18.00	
33	THV.D1 07891	Lê Thị Hoa	Phúc	20/10/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.43. 00381	701	6.50	2.50	5.25	14.25	14.50	
34	THV.D1 07951	Nguyễn Thị Minh	Tâm	17/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.42. 00189	701	6.00	3.25	5.25	14.50	14.50	
35	THV.D1 07954	Nguyễn Thị	Tâm	05/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.54. 01626	701	4.00	2.75	6.00	12.75	13.00	

* Điểm bài thi chưa tính hệ số

* Ngành 701 Tiếng Anh

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.D1 07958	Hà Thị Thanh	21/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00744	701	6.00	3.50	4.00	13.50	13.50	
37	THV.D1 07977	Nguyễn Hương Thảo	29/11/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.28. 00102	701	5.50	5.50	4.75	15.75	16.00	
38	THV.D1 08006	Nguyễn Thị ánh Thu	20/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00258	701	3.50	8.50	5.50	17.50	17.50	
39	THV.D1 08038	Đình Thị Thúy	30/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.37. 00240	701	7.00	1.25	4.00	12.25	12.50	
40	THV.D1 08044	Đoàn Thị Thúy	27/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02478	701	5.00	1.00	6.25	12.25	12.50	
41	THV.D1 08093	Nguyễn Thị Thu Trang	31/01/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		2	15.60. 01514	701	5.50	4.00	6.00	15.50	15.50	
42	THV.D1 08110	Đình Văn Tuấn	30/09/90		Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00130	701	4.50	2.75	4.25	11.50	11.50	
43	THV.D1 08150	Nguyễn Thị Khánh Vân	02/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	15.51. 01843	701	5.50	5.00	7.75	18.25	18.50	
44	THV.D1 08164	Đào Văn Yên	20/02/90		Huyện Tam Đảo		1	16.32. 00457	701	5.00	6.25	5.00	16.25	16.50	
45	THV.D1 08167	Hà Thị Hải Yến	29/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00106	701	6.00	1.75	5.50	13.25	13.50	

Cộng ngành 701 : 45 thí sinh

Phủ Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

* Điểm bài thi chưa tính hệ số

* Ngành 702 Tiếng Trung Quốc

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú	
1	THV.D1 07518	Ngô Thị Lê	Giang	06/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.04. 00418	702	5.50	3.25	3.75	12.50	12.50	
2	THV.D1 07530	Đào Thị Ngọc	Hà	07/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00174	702	3.00	7.75	2.25	13.00	13.00	
3	THV.D1 07701	Lê Thu	Hương	11/08/88	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.01. 00005	702	5.00	3.25	3.50	11.75	12.00	
4	THV.D1 07739	Phan Thị	Lan	15/06/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	05.06. 02167	702	4.00	3.75	2.00	9.75	10.00	
5	THV.D1 07790	Nguyễn Thị	Luận	06/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00772	702	7.00	6.25	2.50	15.75	16.00	
6	THV.D1 07806	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	28/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00747	702	6.00	3.50	3.50	13.00	13.00	
7	THV.D1 07812	Triệu Thị Hồng	Mận	21/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	15.49. 00745	702	5.50	3.75	2.50	11.75	12.00	
8	THV.D1 07961	Nguyễn Thị Thu	Thanh	01/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00266	702	5.50	2.50	3.75	11.75	12.00	
9	THV.D1 08049	Nguyễn Thị Bích	Thủy	04/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	15.43. 00749	702	5.50	2.50	3.25	11.25	11.50	
10	THV.D1 08107	Nguyễn Văn	Trung	01/11/89		Huyện Lập Thạch		1	16.01. 04571	702	4.00	4.75	3.00	11.75	12.00	
11	THV.D1 08174	Hà Thu	Yến	26/07/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.22. 00187	702	5.50	2.25	2.50	10.25	10.50	

Cộng ngành 702 : 11 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009
 HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

* Điểm bài thi chưa tính hệ số

* Ngành C73 Mĩ thuật

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.H08184	Nguyễn Ngọc	Bích	09/12/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.20. 01981	C73	6.00	8.00	8.00	22.00	22.00	
2	THV.H08186	Vi Thị	Cúc	10/10/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.15. 00180	C73	5.50	9.00	8.00	22.50	22.50	
3	THV.H08190	Nguyễn Thành	Đô	28/10/89		Huyện Phù Ninh		1	99.99. 00259	C73	3.00	9.00	9.00	21.00	21.00	
4	THV.H08191	Đình Quang	Đông	09/04/90		Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00140	C73	5.50	7.00	7.00	19.50	19.50	
5	THV.H08193	Hoàng Phúc	Hải	28/06/86		Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.03. 00028	C73	6.00	7.00	8.00	21.00	21.00	
6	THV.H08196	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	24/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.35. 00071	C73	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00	
7	THV.H08198	Vũ Trịnh Ngọc	Hiệp	02/04/90		Huyện Đoan Hùng	06	1	15.20. 01982	C73	6.50	9.00	9.00	24.50	24.50	
8	THV.H08200	Chu Thanh	Hoa	17/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.13. 01055	C73	2.50	8.00	7.00	17.50	17.50	
9	THV.H08205	Đặng Thị Thu	Huyền	20/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.55. 02889	C73	6.50	9.00	8.00	23.50	23.50	
10	THV.H08206	Đậu Thị	Huyền	21/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.02. 05121	C73	4.50	6.00	9.00	19.50	19.50	
11	THV.H08208	Nguyễn Thị Thanh	Hương	22/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.21. 00269	C73	6.00	7.00	8.00	21.00	21.00	
12	THV.H08218	Vũ Hằng	Nga	24/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00276	C73	4.50	7.00	7.00	18.50	18.50	
13	THV.H08219	Chu Thị	Nghĩa	05/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00295	C73	5.50	7.00	8.00	20.50	20.50	
14	THV.H08220	Đỗ Thị	Ngọc	07/02/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00260	C73	4.00	8.00	8.00	20.00	20.00	
15	THV.H08221	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	14/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	15.34. 00156	C73	6.50	8.00	7.00	21.50	21.50	
16	THV.H08222	Nguyễn Cao	Nhật	14/07/91		TP. Việt Trì	06	2	15.02. 05120	C73	4.50	8.00	7.00	19.50	19.50	
17	THV.H08223	Khổng Thị Kim	Phúc	14/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	15.56. 01281	C73	5.50	7.00	6.00	18.50	18.50	
18	THV.H08224	Vi Thị	Phương	01/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	15.11. 02573	C73	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	
19	THV.H08232	Vy Thị	Tân	21/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.22. 00073	C73	3.50	8.00	7.00	18.50	18.50	
20	THV.H08233	Lê Tất	Thành	10/10/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	16.41. 00402	C73	3.00	8.00	9.00	20.00	20.00	
21	THV.H08238	Nguyễn Minh	Trang	20/12/90	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên	04	2	16.01. 00806	C73	3.50	9.00	9.00	21.50	21.50	
22	THV.H08239	Lê Kiều	Trang	05/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.51. 01852	C73	5.00	7.00	8.00	20.00	20.00	
23	THV.H08243	Dương Phạm	Tuân	27/07/90		TP. Việt Trì		2	15.00. 02913	C73	1.50	6.00	8.00	15.50	15.50	
24	THV.H08245	Hà Thị Hồng	Vân	09/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.60. 01524	C73	3.50	7.00	8.00	18.50	18.50	
25	THV.H08246	Trần Đình	Vững	20/04/83		Huyện Thái Thụy	03	2NT	99.99. 00261	C73	6.00	7.00	8.00	21.00	21.00	

Cộng ngành C73 : 25 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.M08256	Nguyễn Khánh Quỳnh	Anh	02/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 00159	903	6.50	0.25	5.50	12.25	12.50
2	THV.M08257	Lý Kiều	Anh	11/09/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	08.25. 00509	903	5.50	1.50	7.00	14.00	14.00
3	THV.M08264	Dương Thị Ngọc	ánh	05/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00429	903	3.00	4.25	6.50	13.75	14.00
4	THV.M08273	Nguyễn Thanh	Bình	20/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	16.34. 00084	903	5.00	2.75	6.75	14.50	14.50
5	THV.M08280	Lù Seo	Chánh	01/04/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.28. 00587	903	2.50	2.75	6.50	11.75	12.00
6	THV.M08324	Trình Thuỳ	Dung	03/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00167	903	3.00	6.00	5.00	14.00	14.00
7	THV.M08336	Hoàng Thị	Đào	10/05/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.06. 00123	903	4.00	2.00	6.25	12.25	12.50
8	THV.M08385	Hoàng Thị	Hải	03/08/88	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.33. 00213	903	6.00	1.75	7.50	15.25	15.50
9	THV.M08412	Phạm Thị Minh	Hằng	16/09/90	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.00. 00038	903	5.00	1.25	7.75	14.00	14.00
10	THV.M08426	Tạ Thị	Hằng	27/09/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.61. 00170	903	4.00	3.75	7.75	15.50	15.50
11	THV.M08477	Lê Thuý	Hoài	17/10/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.12. 00269	903	4.00	3.75	6.25	14.00	14.00
12	THV.M08483	Giàng Thị	Hoàn	27/09/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.00. 00034	903	4.50	1.00	6.25	11.75	12.00
13	THV.M08484	Hà Thị Khánh	Hòa	02/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	15.43. 00755	903	5.50	1.00	7.75	14.25	14.50
14	THV.M08494	Phùng Thị Ngọc	Huân	27/11/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.27. 00236	903	4.00	1.25	6.75	12.00	12.00
15	THV.M08496	Bùi Thị Ngọc	Huế	23/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	15.27. 00163	903	5.50	1.00	7.25	13.75	14.00
16	THV.M08497	Nguyễn Thị	Huế	03/08/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	13.15. 00025	903	6.50	3.25	5.75	15.50	15.50
17	THV.M08504	Nguyễn Thị	Huệ	15/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.65. 00272	903	6.50	1.00	6.75	14.25	14.50
18	THV.M08517	Phạm Thị Thanh	Huyền	28/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.19. 00369	903	6.00	1.25	7.00	14.25	14.50
19	THV.M08519	Vũ Thị	Huyền	02/10/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.29. 00628	903	4.50	1.50	6.00	12.00	12.00
20	THV.M08547	Nông Thị	Hương	24/11/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.00. 00045	903	6.00	1.25	6.00	13.25	13.50
21	THV.M08554	Nguyễn Thị	Hương	02/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.20. 00390	903	5.00	2.75	7.75	15.50	15.50
22	THV.M08572	Nguyễn Thị Thu	Hương	22/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	16.55. 00002	903	6.00	1.75	6.75	14.50	14.50
23	THV.M08584	Vũ Thị Bích	Hường	02/06/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.19. 00364	903	5.50	1.75	6.50	13.75	14.00
24	THV.M08592	Đình Thị	Khánh	02/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.37. 00256	903	6.50	0.25	5.00	11.75	12.00
25	THV.M08598	Lù Thị	Khuyên	24/12/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	08.28. 00589	903	5.00	1.25	6.00	12.25	12.50
26	THV.M08601	Phạm Thị	Kiều	17/06/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	06	1	15.16. 01758	903	5.00	2.75	6.00	13.75	14.00
27	THV.M08606	Bùi Thị	Lan	10/02/90	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	23.05. 00002	903	4.00	1.75	7.25	13.00	13.00
28	THV.M08608	Tần Thị	Lan	01/01/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	08.45. 00704	903	7.00	1.25	6.50	14.75	15.00
29	THV.M08621	Triệu Thị Mỹ	Lệ	02/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.14. 01199	903	4.50	1.75	7.00	13.25	13.50
30	THV.M08653	Phạm Thị Nhất	Linh	15/11/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	08.12. 00268	903	3.50	6.25	5.50	15.25	15.50
31	THV.M08693	Đặng Trang	Ly	19/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00431	903	2.50	5.25	6.25	14.00	14.00
32	THV.M08697	Trần Thị	Lý	12/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00433	903	2.00	5.75	7.00	14.75	15.00
33	THV.M08726	Nguyễn Thị	Mùi	01/11/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	13.13. 00018	903	4.50	3.50	6.50	14.50	14.50
34	THV.M08728	Phùng Thị	My	10/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.31. 00432	903	6.00	4.75	5.75	16.50	16.50
35	THV.M08743	Hà Thuý	Nga	30/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.65. 00273	903	6.00	1.50	7.00	14.50	14.50

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.M08744	Nguyễn Thiên Nga	09/09/90	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	13.24. 00044	903	5.00	2.25	6.75	14.00	14.00	
37	THV.M08770	Phùng Thị Ngọc	14/11/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00753	903	5.00	6.00	6.25	17.25	17.50	
38	THV.M08819	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	15.49. 00780	903	5.50	1.75	8.00	15.25	15.50	
39	THV.M08827	Lâm Thị Phương	10/07/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	09.10. 00084	903	5.50	1.25	6.00	12.75	13.00	
40	THV.M08830	Lê Thị Phương	27/04/89	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	23.07. 00009	903	4.00	3.50	5.50	13.00	13.00	
41	THV.M08839	Ma Thị Hồng Phương	05/10/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.30. 00635	903	5.00	1.50	5.50	12.00	12.00	
42	THV.M08841	Hoàng Thị Phương	30/01/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.24. 00469	903	5.50	1.00	5.75	12.25	12.50	
43	THV.M08843	Nguyễn Thị Phương	04/02/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.24. 00471	903	5.00	1.00	5.75	11.75	12.00	
44	THV.M08847	Nguyễn Thị Phương	02/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	03	1	15.29. 00296	903	7.50	1.75	6.00	15.25	15.50	
45	THV.M08870	Lê Hoàng Ngọc Sáng	18/11/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.26. 00530	903	4.50	3.00	5.50	13.00	13.00	
46	THV.M08874	Nguyễn Thị Sen	11/11/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	16.93. 00164	903	5.50	2.50	5.75	13.75	14.00	
47	THV.M08876	Nguyễn Thị Sim	10/02/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	05.16. 02208	903	5.50	0.25	6.50	12.25	12.50	
48	THV.M08892	Trần Thị Thanh	16/08/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.19. 00366	903	6.50	2.00	6.00	14.50	14.50	
49	THV.M08893	Phùng Thị Kim Thanh	24/03/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 00160	903	6.00	1.50	5.50	13.00	13.00	
50	THV.M08929	Nguyễn Thị Hồng Thẩm	25/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.61. 00128	903	5.00	6.75	5.75	17.50	17.50	
51	THV.M08941	Hoàng Thị Mỹ Tho	16/08/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	08.24. 00458	903	4.50	1.50	6.75	12.75	13.00	
52	THV.M08964	Lê Thị Minh Thu	01/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	15.43. 00754	903	4.00	2.50	8.25	14.75	15.00	
53	THV.M08981	Lân Thị Thuý	30/04/89	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	13.14. 00021	903	5.50	1.25	6.50	13.25	13.50	
54	THV.M09034	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	09/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00758	903	5.00	3.00	6.00	14.00	14.00	
55	THV.M09047	Ngô Thị Trang	26/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	15.43. 00761	903	4.00	4.00	7.00	15.00	15.00	
56	THV.M09065	Trần Thị Kim Tuyến	14/01/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	08.20. 00392	903	4.50	1.50	5.75	11.75	12.00	
57	THV.M09086	Phùng Thị ánh Vân	11/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.61. 00127	903	6.50	3.50	5.00	15.00	15.00	
58	THV.M09095	Lê Thị Bích Việt	02/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	16.36. 00476	903	5.50	2.00	6.25	13.75	14.00	
59	THV.M09101	Ma Thị Xim	14/11/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	08.07. 00144	903	4.50	1.25	6.50	12.25	12.50	
60	THV.M09108	Bùi Ngọc Xuân	29/01/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	16.61. 00471	903	4.50	4.75	6.75	16.00	16.00	
61	THV.M09123	Kim Thị Hải Yến	02/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.19. 00367	903	6.50	3.25	5.75	15.50	15.50	
62	THV.M09133	Đoàn Thị Yến	23/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	15.17. 01353	903	6.50	1.00	6.75	14.25	14.50	

Cộng ngành 903 : 62 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

* Điểm bài thi chưa tính hệ số

* Ngành C72 Âm nhạc

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.N09138	Nguyễn ánh	25/09/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	15.43. 00751	C72	5.50	7.00	6.00	18.50	18.50	
2	THV.N09140	Lê Thị Phương Dung	17/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00101	C72	2.50	6.00	5.00	13.50	13.50	
3	THV.N09143	Nguyễn Tiến Dũng	16/07/91		Huyện Thanh Sơn		1	15.37. 00254	C72	2.50	7.00	7.00	16.50	16.50	
4	THV.N09144	Trần Thị Đại Dương	10/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.22. 00072	C72	2.50	7.00	6.00	15.50	15.50	
5	THV.N09145	Lê Văn Điệp	13/04/89		Huyện Lập Thạch	06	2NT	16.36. 00488	C72	4.00	8.00	6.00	18.00	18.00	
6	THV.N09150	Phạm Quốc Hạnh	05/01/90		Huyện Hạ Hoà		1	15.28. 00104	C72	3.00	8.00	8.00	19.00	19.00	
7	THV.N09156	Nguyễn Thị Hồng	01/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	15.49. 00778	C72	4.50	8.00	6.00	18.50	18.50	
8	THV.N09166	Hoàng Mạnh Linh	01/09/89		Huyện Đoan Hùng		1	15.20. 01980	C72	3.00	7.00	5.00	15.00	15.00	
9	THV.N09167	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	15/06/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00100	C72	2.00	8.00	6.00	16.00	16.00	
10	THV.N09171	Đinh Thị Mẫn	01/08/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	2	99.99. 00098	C72	5.50	7.00	4.00	16.50	16.50	
11	THV.N09174	Lưu Thị Nga	12/07/88	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	08.00. 00053	C72	3.50	7.00	5.00	15.50	15.50	
12	THV.N09175	Tạ Thị Hồng Ngân	15/04/89	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	15.42. 00248	C72	4.00	6.00	5.00	15.00	15.00	
13	THV.N09176	Phan Thị Đức Ngọc	02/11/89	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00096	C72	1.50	7.00	6.00	14.50	14.50	
14	THV.N09177	Hoàng Hồng Nhung	23/01/88	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	15.60. 01521	C72	4.00	7.00	7.50	18.50	18.50	
15	THV.N09179	Hà Thanh Nhung	26/07/91		Huyện Như Xuân	01	1	28.09. 00232	C72	3.00	7.00	5.00	15.00	15.00	
16	THV.N09181	Trần Văn Phương	20/04/88		Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00097	C72	3.00	8.00	5.50	16.50	16.50	
17	THV.N09183	Phùng Mạnh Quý	12/06/91		Huyện Tam Nông		1	15.56. 01279	C72	4.00	8.00	6.00	18.00	18.00	
18	THV.N09184	Phan Thị Sinh	11/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	15.29. 00294	C72	5.50	6.00	4.00	15.50	15.50	
19	THV.N09186	Hồ Minh Thắng	18/06/90		Huyện Phù Ninh		1	15.48. 01302	C72	2.50	8.00	8.00	18.50	18.50	
20	THV.N09187	Nguyễn Mạnh Thế	04/03/90		Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00274	C72	3.50	8.00	5.75	17.25	17.50	
21	THV.N09191	Vi Thị Tinh	26/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00099	C72	5.00	6.50	5.00	16.50	16.50	
22	THV.N09192	Nguyễn Quốc Toàn	05/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	15.26. 00275	C72	2.50	6.00	4.00	12.50	12.50	
23	THV.N09196	Đỗ Thị Tuyết	09/11/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	13.42. 00004	C72	3.50	7.00	4.25	14.75	15.00	
24	THV.N09197	Nguyễn Thanh Tùng	20/11/90		Huyện Yên Lập	01	1	15.35. 00069	C72	3.00	8.00	6.00	17.00	17.00	
25	THV.N09199	Bàn Thị Yên	19/05/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	09.18. 00157	C72	1.50	6.00	4.00	11.50	11.50	

Cộng ngành C72 : 25 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

* Điểm bài thi chưa tính hệ số

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.T09216	Nguyễn Trọng Cường	15/12/88		Huyện Cẩm Khê		2NT	99.99. 00151	C70	5.00	1.25	5.00	11.25	11.50	
2	THV.T09222	Nguyễn Ba Duy	01/07/90		Huyện Thanh Ba		1	99.99. 00155	C70	3.25	1.25	8.50	13.00	13.00	
3	THV.T09225	Vi Chí Dũng	25/03/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	15.32. 00253	C70	5.50	3.00	6.00	14.50	14.50	
4	THV.T09231	Nguyễn Hữu Dự	20/10/91		Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 00154	C70	5.00	4.50	4.50	14.00	14.00	
5	THV.T09234	Nguyễn Quốc Đăng	18/01/91		Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 00153	C70	3.50	0.25	5.25	9.00	9.00	
6	THV.T09240	Nguyễn Văn Đông	29/03/88		Huyện Yên Lập		1	99.99. 00157	C70	3.75	3.50	6.25	13.50	13.50	
7	THV.T09245	Hoàng Kim Đức	18/08/90		Huyện Phù Ninh		1	99.99. 00147	C70	4.00	2.25	8.00	14.25	14.50	
8	THV.T09247	Nguyễn Hương Giang	29/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.03. 00373	C70	6.75	2.00	4.25	13.00	13.00	
9	THV.T09254	Lý Thị Hà	12/04/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	2	15.14. 01193	C70	3.50	2.00	6.00	11.50	11.50	
10	THV.T09255	Phùng Văn Hà	07/10/85		Huyện Cẩm Khê		2NT	15.33. 00202	C70	4.00	1.75	5.25	11.00	11.00	
11	THV.T09258	Đình Thị Thanh Hải	16/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.37. 00249	C70	3.00	1.00	6.25	10.25	10.50	
12	THV.T09260	Trịnh Đức Hạnh	23/12/91		Huyện Phù Ninh		2	15.02. 05116	C70	4.25	1.00	6.25	11.50	11.50	
13	THV.T09262	Vi Hải Hậu	27/05/90		Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00150	C70	3.50	1.00	6.50	11.00	11.00	
14	THV.T09268	Đình Thị Hằng	12/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	15.40. 00104	C70	4.50	7.00	4.00	15.50	15.50	
15	THV.T09275	Nguyễn Thị Lê Hiền	20/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	15.45. 00108	C70	4.50	2.25	8.50	15.25	15.50	
16	THV.T09304	Hoàng Văn Khoa	05/05/90		Huyện Tam Nông		1	15.57. 01947	C70	4.25	2.25	6.75	13.25	13.50	
17	THV.T09306	Đặng Ngọc Khương	01/01/89		Huyện Thanh Sơn		1	15.42. 00240	C70	3.50	0.25	8.00	11.75	12.00	
18	THV.T09307	Đỗ Văn Kiên	10/01/91		Huyện Thanh Thủy		1	15.58. 02487	C70	3.75	1.25	9.25	14.25	14.50	
19	THV.T09308	Vũ Văn Kiên	26/02/89		Huyện Thanh Ba		2	99.99. 00173	C70	4.50	3.00	5.50	13.00	13.00	
20	THV.T09311	Phùng Thị Lan	03/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	15.34. 00152	C70	3.50	3.50	3.50	10.50	10.50	
21	THV.T09312	Hà Đình Lâm	19/05/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	15.31. 00181	C70	4.50	3.00	7.75	15.25	15.50	
22	THV.T09320	Nguyễn Thị Liên	11/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	06	1	15.17. 01351	C70	2.50	2.00	5.25	9.75	10.00	
23	THV.T09330	Phùng Thị Thúy Mai	17/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	15.45. 00109	C70	5.50	1.75	6.00	13.25	13.50	
24	THV.T09332	Nguyễn Phương Mai	03/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	15.61. 00125	C70	4.25	1.25	5.50	11.00	11.00	
25	THV.T09336	Đông Thị Giang Mây	13/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.22. 00070	C70	4.75	2.50	5.25	12.50	12.50	
26	THV.T09338	Kiều Thị Thuý Mơ	24/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	15.01. 01033	C70	3.50	1.75	7.25	12.50	12.50	
27	THV.T09341	Phạm Tiến Mùi	28/04/91		Huyện Thanh Thủy	06	1	15.58. 02488	C70	4.50	7.25	4.75	16.50	16.50	
28	THV.T09347	Đỗ Thị Nga	21/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.32. 00254	C70	5.75	4.75	5.00	15.50	15.50	
29	THV.T09351	Đình Văn Ngọc	19/05/89		Huyện Tân Sơn	01	1	15.42. 00245	C70	4.50	2.00	5.25	11.75	12.00	
30	THV.T09359	Nguyễn Thị Hồng Nhung	07/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	15.01. 01034	C70	3.50	1.25	7.25	12.00	12.00	
31	THV.T09364	Nguyễn Thị Phú	12/06/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	15.32. 00252	C70	4.25	2.00	5.00	11.25	11.50	
32	THV.T09366	Phạm Hải Phương	13/09/91		Thị xã Phú Thọ		1	15.11. 02564	C70	3.25	0.25	8.50	12.00	12.00	
33	THV.T09373	Nguyễn Hồng Quang	19/12/91		Thị xã Phú Thọ		2	15.13. 01051	C70	3.00	1.75	7.00	11.75	12.00	
34	THV.T09381	Dương Thu Quỳnh	05/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	15.02. 05117	C70	3.00	1.00	7.25	11.25	11.50	
35	THV.T09391	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/06/90	Nữ	TP. Việt Trì		1	99.99. 00180	C70	3.50	1.25	6.25	11.00	11.00	

* Điểm bài thi chưa tính hệ số

* Ngành C70 Sư phạm Thể dục-Công tác Đội

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
36	THV.T09406	Cao Việt	Thắng		Huyện Thanh Ba		1	15.22. 00069	C70	3.75	1.00	8.50	13.25	13.50	
37	THV.T09412	Nguyễn Hữu	Thọ		Huyện Yên Lập	01	1	15.36. 00138	C70	4.75	1.50	5.25	11.50	11.50	
38	THV.T09415	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02572	C70	8.25	7.00	4.00	19.25	19.50	
39	THV.T09418	Tô Thị	Thương	Nữ	Huyện Đoan Hùng	01	2	15.14. 01197	C70	4.25	2.50	6.25	13.00	13.00	
40	THV.T09423	Nguyễn Trọng	Tĩnh		Huyện Hạ Hoà		1	99.99. 00152	C70	5.50	1.50	8.50	15.50	15.50	
41	THV.T09425	Nguyễn Danh	Toản		Huyện Yên Lập		1	15.36. 00135	C70	4.00	1.25	6.75	12.00	12.00	
42	THV.T09432	Vũ Đức	Trung		Thị xã Phú Thọ		2	99.99. 00174	C70	4.50	3.75	5.75	14.00	14.00	
43	THV.T09434	Đặng Quang	Trung		Huyện Tam Nông		1	15.55. 02884	C70	3.50	0.25	6.50	10.25	10.50	
44	THV.T09435	Mai Thành	Trung		Thị xã Phú Thọ		2	15.11. 02566	C70	4.50	1.25	6.75	12.50	12.50	
45	THV.T09436	Trần Quốc	Trường		Huyện Thanh Thủy		1	15.60. 01517	C70	2.50	0.75	6.75	10.00	10.00	
46	THV.T09438	Phạm Văn	Tuân		Huyện Lâm Thao		2NT	15.50. 00651	C70	3.00	4.50	7.50	15.00	15.00	
47	THV.T09439	Nguyễn Hữu	Tuấn		Huyện Cẩm Khê		2NT	15.33. 00204	C70	3.00	1.25	6.75	11.00	11.00	
48	THV.T09442	Hoàng Anh	Tuấn		Huyện Hạ Hoà		1	15.25. 00266	C70	5.25	4.50	8.25	18.00	18.00	
49	THV.T09450	Đào Ngọc	Tú		Huyện Thanh Sơn		1	15.40. 00105	C70	3.50	1.25	6.00	10.75	11.00	
50	THV.T09451	Phạm Xuân	Tùng		Huyện Tam Nông		1	15.57. 01948	C70	3.50	2.00	8.25	13.75	14.00	
51	THV.T09452	Đình Công	Tùng		Huyện Yên Lập	01	1	15.35. 00068	C70	2.00	1.25	9.25	12.50	12.50	
52	THV.T09454	Nguyễn Văn	Tướng		Huyện Thanh Ba	06	1	99.99. 00156	C70	2.00	1.00	7.00	10.00	10.00	
53	THV.T09455	Nguyễn Kỹ	Ty		Huyện Yên Lập	06	1	15.35. 00059	C70	2.00	0.25	6.25	8.50	8.50	
54	THV.T09457	Nguyễn Đức	Vinh		Huyện Lâm Thao		2NT	15.53. 02423	C70	3.50	0.75	8.25	12.50	12.50	
55	THV.T09460	Vũ Thị	Yến	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	15.23. 00121	C70	3.25	1.25	8.25	12.75	13.00	

Cộng ngành C70 : 55 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST

UBND TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

DANH SÁCH THÍ SINH TUYỂN THẮNG KỲ THI TUYỂN SINH ĐH, CĐ 2009
Ngành: (602) ĐHSP Sư – Giáo dục công dân

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị cử tuyển	Ghi chú
1	Đình Quang Phúc	23/08/90	Trung Sơn – Yên Lập-Phú Thọ	Trường Vùng Cao Việt Bắc	
2	Hà Thị Thuý Vân	01/04/90	Kim Thượng-Tân Sơn-Phú Thọ		

Ấn định danh sách gồm **02** thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009
HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐQT

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2009
TRƯỜNG THV B TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
* Ngành C66 Sư phạm Lí-Hóa

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Mã hồ sơ	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	TTB.B02588	Lê Minh Thuyết	14/08/91		Huyện Yên Lập		1	15.35. 00103	C66	6.00	3.00	5.00	14.00	14.00	

Cộng ngành C66 : 1 thí sinh

Phú Thọ, ngày tháng 8 năm 2009
HIỆU TRƯỞNG-CHỦ TỊCH HĐST